

PTSC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



Tên giao dịch:	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Tên giao dịch nước ngoài:	Petrovietnam Technical Services Corporation
Tên giao dịch viết tắt:	PTSC
Mã số doanh nghiệp:	0100150577
Địa chỉ:	Tầng 5, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại:	(+84).28.39102828
Fax:	(+84).28.39102929
Website:	www.ptsc.com.vn

MỤC LỤC

25 NĂM - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

- 08 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 10 Thành tựu 25 năm
 - Các mốc phát triển
 - Các phần thưởng cao quý
- 14 Chiến lược phát triển

GẮN KẾT SỨC MẠNH

- 20 Tổng quan về thị trường dầu khí năm 2017
- 21 Những khó khăn thách thức
- 24 Nguồn lực
 - Cơ cấu tổ chức
 - Bộ máy quản lý
 - Tổ chức lĩnh vực kinh doanh
 - Nguồn nhân lực
 - Cơ sở vật chất
 - Hệ thống quản lý
- 48 Đối tác, khách hàng

QUẢN TRỊ BỀN VỮNG

- 52 Hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch năm 2018
- 58 Hoạt động của Ban TGD
- 60 Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018
- 64 Thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2017

TIẾP NỐI THÀNH CÔNG

- 68 Kết quả hoạt động SXKD năm 2017
 - Kết quả hoạt động năm 2017
 - Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Ban TGD năm 2017 và kế hoạch năm 2018
- 88 Phát triển bền vững
 - Chiến lược Phát triển bền vững
 - Phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp
 - Quản trị rủi ro
 - Phát triển nguồn nhân lực
 - Cam kết Sức khỏe - An toàn - Môi trường - Chất lượng
 - Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội
- 102 Chứng khoán PVS
 - PVS - 10 năm niềm yết
 - Quan hệ cổ đông
 - Cổ đông

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐHĐCD	Đại hội đồng cổ đông
ĐHCD	Đại hội cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
KHCN	Khoa học công nghệ
NLĐ	Người lao động

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

25 NĂM

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
(9/2/1993 - 9/2/2018)



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành tựu 25 năm
Chiến lược phát triển



“PTSC ĐÓN CHÀO TUỔI 25 VỚI NHỮNG THÀNH CÔNG VÀ THẮNG LỢI MỚI, TÌM THẤY CƠ HỘI PHÁT TRIỂN DỰA TRÊN NHỮNG LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA MÌNH, ĐÓ LÀ SỨC MẠNH CỦA BẢN SẮC TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA “ĐOÀN KẾT, NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, CHUYÊN NGHIỆP”

Kính thưa các Quý vị cổ đông,

Năm 2017, tình hình kinh tế Việt Nam đã khởi sắc với tốc độ tăng trưởng vượt kỳ vọng. Tuy nhiên, nằm trong xu hướng chung của toàn cầu, ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Mặc dù giá dầu có sự phục hồi nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp, trung bình khoảng 54 USD/thùng, chưa thể bút phá để thúc đẩy các dự án thăm dò khai thác và phát triển mỏ trong nước và trong khu vực. Kèm theo đó là các yếu tố khách quan không thuận lợi bao gồm: căng thẳng an ninh lãnh hải khu vực, nguy cơ sản lượng dầu khí suy giảm, thị trường hội nhập quốc tế cạnh tranh gay gắt. Ngoài ra, các vướng mắc về cơ chế, chính sách chưa được tháo gỡ kịp thời cũng gây ảnh hưởng đến các đơn vị trong ngành. Và hiển nhiên, môi trường hoạt động của Tổng công ty PTSC trong năm 2017, trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết.

Đánh giá toàn diện tình hình, HĐQT đã cùng Ban điều hành Tổng công ty chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ, hữu hiệu các giải pháp nhằm thực hiện một cách tốt nhất mục tiêu đặt ra, đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định và Tổng công ty PTSC luôn vững bước trước mọi khó khăn. Kết quả tích cực đạt được trong năm 2017 còn ghi nhận sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng của toàn thể NLD Tổng công ty PTSC, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt được là 22.368 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt được là 1.005 tỷ đồng, tương ứng 172% và 144% so với kế hoạch năm. Tình hình tài chính được duy trì lành mạnh.
- Tích cực phát triển kinh doanh ngoài nước, ngoài ngành để bù đắp thiếu hụt công việc do giá dầu thấp. Trong năm qua, Tổng công ty PTSC đã vượt qua nhiều đối thủ quốc tế rất mạnh để thắng thầu ở nước ngoài. Bên cạnh đó, triển khai an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các dự án lớn với mức độ phức tạp cao, điều kiện triển khai công việc tiềm ẩn nhiều rủi ro, cùng với yêu cầu khắt khe của chủ đầu tư như Dự án Daman của Ấn Độ, Dự án GPP Cà Mau của PVGAS, Dự án khảo sát tại Myanmar, Dự án đưa sà lan công trình sang làm việc tại Trung Đông. Và rất vui mừng khi Tổng công ty PTSC còn ký được Hợp đồng lớn Sao Vàng - Đại Nguyệt với chủ đầu tư Idemitsu bên cạnh các Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Cảng Hải Phòng, Dự án xử lý khí Nhà máy GPP Dinh Cố, Hợp đồng xuất khẩu kết cấu thép với tổ hợp Nhà thầu Australia, Hàn Quốc...

- Phát huy tốt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ, đem lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

- Hệ thống và nguồn lực luôn được chú trọng hoàn thiện.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chúng ta có thể tự hào về kết quả này, trong bối cảnh thị trường bất ổn, các đơn vị dịch vụ kỹ thuật nội địa và quốc tế đứng trước tình cảnh nguy khó, Tổng công ty PTSC giữ vững ổn định, khẳng định vị thế nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam và khu vực. Uy tín và thương hiệu PTSC luôn được khách hàng tin tưởng và đánh giá rất cao. Để làm được điều này, tại PTSC, chúng tôi luôn đề cao việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp được tích lũy và phát triển trong suốt 25 năm qua, kể từ khi Tổng công ty PTSC chính thức được thành lập vào ngày 09/02/1993. Đây chính là động lực cốt lõi thúc đẩy PTSC dù trong hoàn cảnh nào vẫn luôn tự tin, bản lĩnh, đoàn kết và không ngừng nỗ lực, dám đổi mới, sáng tạo để trụ vững trên con đường phát triển và thực hiện mục tiêu quan trọng chính là đáp ứng, phục vụ tốt nhất các yêu cầu của khách hàng.

Quý vị cổ đông kính mến,

Bước sang năm 2018, vẫn còn nhiều thách thức đang chờ phía trước do giá dầu thô tiếp tục diễn biến khó lường và được dự đoán duy trì ở mức thấp sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, HĐQT sẽ luôn sát cánh cùng Ban điều hành để tiếp tục phát huy những kết quả tốt đã đạt được, triển khai chiến lược kinh doanh phù hợp với các giải pháp sâu sát, cụ thể, linh hoạt nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 mà ĐHCĐ giao phó. Cụ thể, tập trung vào 4 nhóm giải pháp chính như sau: (1) tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thị trường phát triển kinh doanh ra ngoài ngành, ngoài nước, (2) phát triển nguồn lực theo hướng đạt chuẩn quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, (3) tiêu chuẩn hóa hệ thống quản lý, (4) triệt để tiết kiệm, tiết giảm chi phí, giảm giá thành dịch vụ.

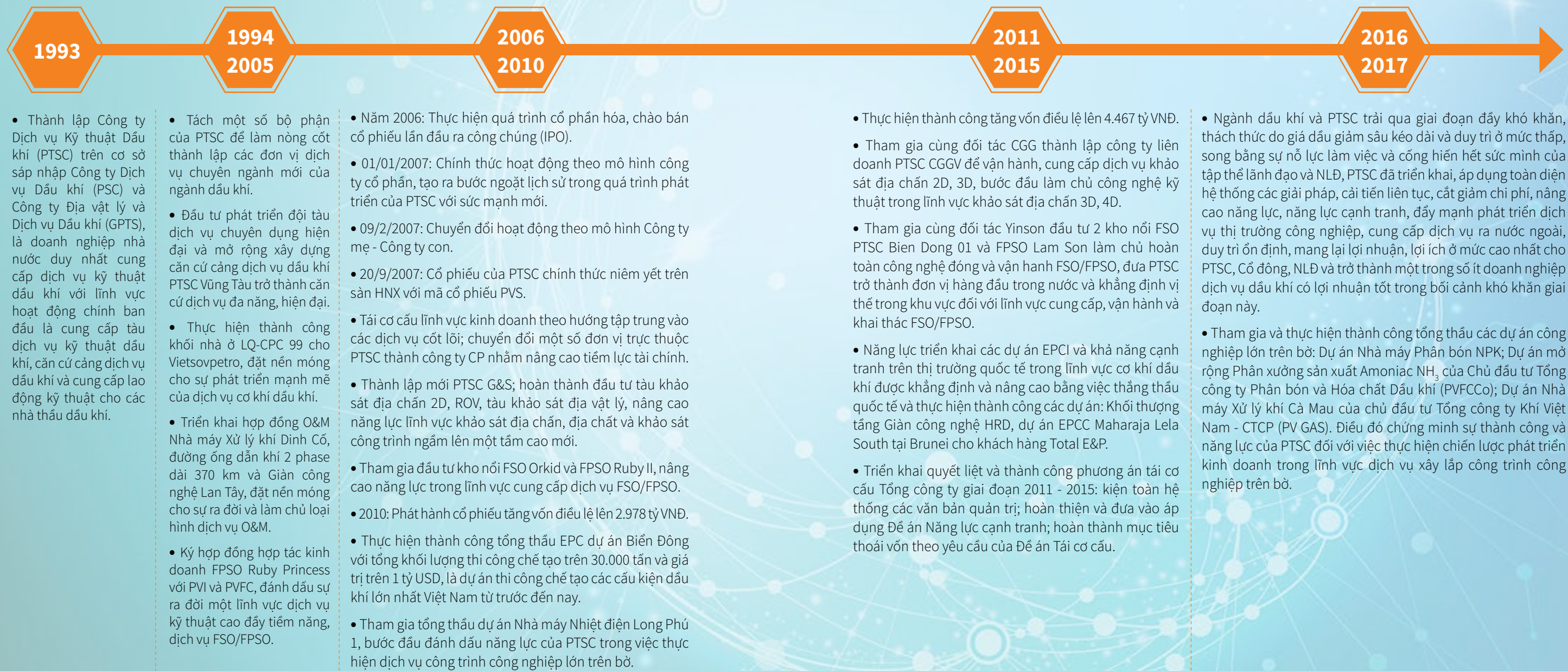
HĐQT và Ban điều hành luôn cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững, lâu dài của PTSC. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng thuận và ủng hộ của Quý vị cổ đông, sự tin tưởng và hợp tác của Quý khách hàng và đối tác. Dù phía trước còn nhiều khó khăn, bất ổn, nhưng tôi tin tưởng rằng, Tổng công ty PTSC đón chào tuổi 25 với những thành công và thắng lợi mới, tìm thấy cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh của mình, đó là sức mạnh của bản sắc truyền thống văn hóa **“Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo, Chuyên nghiệp”**.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thái Quốc Hiệp

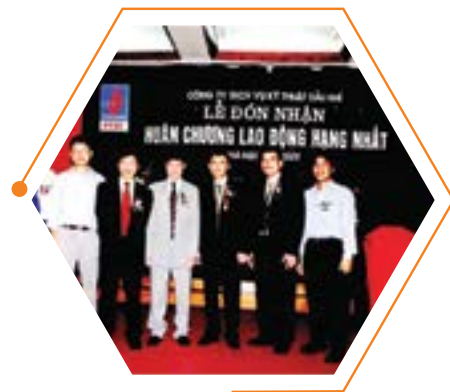
THÀNH TỰU 25 NĂM CÁC MỐC PHÁT TRIỂN

25 năm qua là chặng đường ghi dấu sự đoàn kết, sự nỗ lực cống hiến không mệt mỏi của các thế hệ lãnh đạo và NLĐ PTSC để xây dựng PTSC từ một đơn vị với cơ sở vật chất thiếu thốn, kinh nghiệm làm dịch vụ dầu khí chưa có nhiều, đến nay PTSC đã khẳng định được uy tín, bề dày kinh nghiệm và vị thế trên thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí tại Việt Nam và trong khu vực. Trong suốt 1/4 thế kỷ miệt mài lao động, PTSC đã trải qua nhiều thăng trầm với những mốc son lịch sử có tính quyết định trên chặng đường xây dựng và phát triển bền vững.



THÀNH TỰU 25 NĂM CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

Nhìn lại chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển, PTSC đã trải qua không ít khó khăn, thử thách, nhưng với sự đoàn kết trên dưới một lòng, sự nỗ lực không ngừng, bản lĩnh vững vàng của các thế hệ lãnh đạo và NLD, PTSC đã đạt được nhiều thành tích đáng tự hào, đóng góp vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển ngành dầu khí và đất nước.



1993
2005

- Huân chương Lao động hạng Nhất
- Huân chương Lao động hạng Nhì
- Huân chương Lao động hạng Ba
- Cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc của Chính phủ
- Cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc trong ngành dầu khí của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- Giải Vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng



2006
2009

- Huân chương Lao động hạng Nhì
- Cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc của Chính phủ
- Cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc của Bộ Công thương
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Top 10 Doanh nghiệp xuất sắc; Top 10 thương hiệu nổi tiếng Quốc gia; Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam; Giải vàng chất lượng Quốc tế; Doanh nghiệp Văn hóa UNESCO; Giải thưởng thương hiệu mạnh Việt Nam; Cúp vàng thương hiệu, nhãn hiệu; Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao; Thương hiệu chứng khoán uy tín; Top 5 Cổ phiếu hàng đầu Việt Nam; Cúp vàng ISO; Cúp vàng an toàn lao động; Cúp vàng vì sự phát triển của Cộng đồng; Cúp vàng Sao vàng Phương Nam; Biểu tượng Vàng "Vì sự nghiệp Văn hóa Doanh nhân"; Biểu tượng vàng "Vì sự nghiệp Văn hóa Doanh nhân Việt Nam"; Doanh nghiệp và thành viên thị trường tiêu biểu; Danh hiệu vì sự nghiệp giáo dục.



2010

Trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển, các thế hệ NLD đã phát huy và kế thừa truyền thống văn hóa PTSC, không ngừng nỗ lực vượt khó, góp phần vào thành quả chung của ngành dầu khí Việt Nam và nền kinh tế đất nước. Với những thành tích và đóng góp xuất sắc, PTSC vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý:

"Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới".



2011
2017

- Cờ thi đua của Chính phủ
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải bạc "Chất lượng Quốc gia"; Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt - Top 100 Thương hiệu Việt Nam; Giải thưởng Thương hiệu Quốc gia; Thương hiệu Việt bền vững - Top 10; Thương hiệu Việt Nam - Top 100; Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.
- Năm 2017 được đánh giá là năm hết sức khó khăn do tác động của giá dầu, điều này đã gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng và nặng nề tới ngành công nghiệp dầu khí nói chung và môi trường hoạt động SXKD của PTSC nói riêng, song tập thể lãnh đạo và NLD PTSC vẫn vững tâm trong gian khó, vượt qua thử thách, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra, là một trong số ít các đơn vị dịch vụ dầu khí có kết quả SXKD tốt trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức và vinh dự được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trao tặng Cờ thi đua "Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất".

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020

Về dài hạn: Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty mạnh, có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới với các lĩnh vực hoạt động chính: dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ khảo sát, hàng hải, công nghiệp, trong đó lấy dịch vụ kỹ thuật dầu khí làm then chốt và nền tảng. Phấn đấu trở thành đơn vị dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp uy tín và thương hiệu hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Về trung và ngắn hạn: Giữ vững và ổn định các hoạt động SXKD trong bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang gặp nhiều khó khăn như hiện tại, tận dụng cơ hội đầu tư để nâng cao năng lực đón nhận xu hướng phục hồi trong tương lai.

Phấn đấu tỷ suất lợi nhuận Công ty mẹ trên vốn điều lệ đạt trên 10%/năm.



Tầm nhìn

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, nhà thầu quốc tế EPCI, EPC công nghiệp cạnh tranh, mạnh trên thế giới với sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao.



Quan điểm phát triển

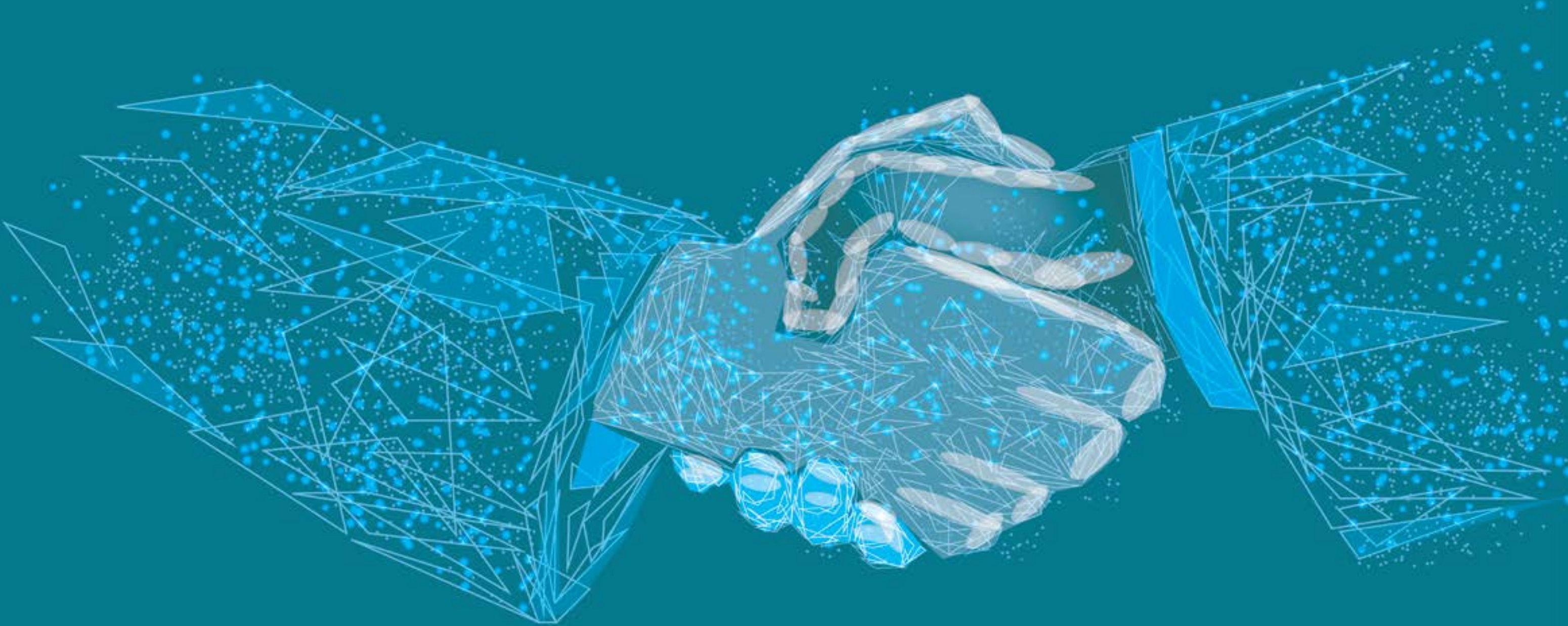
Phát triển ổn định, bền vững; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng, phát huy lợi thế là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong ngành nhằm khai thác và sử dụng tối đa nguồn lực tổng thể.

Liên doanh, liên kết với các công ty, đơn vị có năng lực trong và ngoài nước để giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp; từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng phát triển ra nước ngoài.



GẮN KẾT SỨC MẠNH



Tổng quan về thị trường dầu khí năm 2017

Những khó khăn thách thức

Nguồn lực

Đối tác, khách hàng

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ NĂM 2017



Vào cuối năm 2016, các nước thuộc khối OPEC và một số cường quốc dầu mỏ khác trên thế giới đã đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng lần đầu tiên trong vòng 8 năm qua, thị trường dầu mỏ thế giới đã có phản ứng tích cực hơn khi OPEC cam kết sẽ cắt giảm sản lượng khai thác tổng cộng là 1,76 triệu thùng/ngày trong 6 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2017, nhằm kết thúc tình trạng dư cung và nâng giá. Việc thực hiện thỏa thuận cắt giảm này đã giúp giá dầu phục hồi lên hơn 50 USD/thùng so với mức thấp kỷ lục dưới 30 USD/thùng hồi năm ngoái. Tuy vậy, trong lĩnh vực thăm dò, năm 2017 đã phải chứng kiến một thất bại to lớn, nguyên do, trong 2 năm 2015-2016, giá dầu siêu thấp đã khiến nhiều công ty dầu mỏ phương Tây lao đao, không đủ nguồn kinh phí để thăm dò, tìm kiếm các nguồn dầu mới. Chính vì vậy, các đơn vị dịch vụ dầu khí gặp rất nhiều khó khăn do khối lượng công việc gắn với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác giảm.

Đối với thị trường dịch vụ dầu khí trong nước, mặc dù giá dầu thô có dấu hiệu phục hồi, nhưng mức giá vẫn còn thấp, thị trường cung cấp dịch vụ dầu khí có sự cạnh tranh gay gắt do nhiều nhà cung cấp dịch vụ

dầu khí nước ngoài có tiềm lực vượt trội về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, kinh nghiệm, tài chính... sẵn sàng chào giá cung cấp dịch vụ thấp hơn so với chi phí sản xuất vận hành thực tế với mục tiêu có việc làm. Thị trường cung cấp dịch vụ có nguồn cung lớn hơn cầu, do đó các đơn vị cung cấp dịch vụ trong ngành dầu khí Việt Nam luôn phải đối mặt với sức ép giảm giá từ các khách hàng thuê sử dụng dịch vụ và tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến việc giữ vững thị phần cũng như phát triển tìm kiếm các hợp đồng mới trong và ngoài nước.

Bên cạnh việc các đơn vị dịch vụ dầu khí trong nước phải đối mặt với việc các dự án phát triển mỏ dầu khí biển trong và ngoài nước tiếp tục bị giãn, dừng triển khai, dẫn đến khối lượng công việc giảm sút, hệ thống định mức trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí còn thiếu đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu cũng như quản lý trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ, ngoài ra Luật Đấu thầu với nhiều quy định chưa phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí, nhiều thủ tục phức tạp cũng gây không ít khó khăn cho các đơn vị dịch vụ dầu khí tham gia đấu thầu dự án.

VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC

Việc giá dầu sụt giảm sâu và liên tục duy trì ở mức thấp trong những năm qua đã gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến môi trường hoạt động SXKD của Tổng công ty PTSC. Trong bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí năm 2017 vẫn chưa có sự tiến triển với các lý do như đã phân tích, Tổng công ty PTSC tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc triển khai hoạt động SXKD dịch vụ, cụ thể:

Hầu hết các dự án phát triển mỏ dầu khí biển trong và ngoài nước tiếp tục bị giãn, dừng triển khai, dẫn đến khối lượng công việc giảm sút. Dịch vụ dầu khí biển (là khu vực dịch vụ chính của Tổng công ty) bị cạnh tranh khốc liệt, giảm nghiêm trọng theo cấp số nhân, về cả khối lượng công việc và giá trị dịch vụ. Với thực trạng có hoạt động thì lỗ ít, không hoạt động thì lỗ nhiều hoặc phá sản, nhiều công ty cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước sẵn sàng chào phá giá, chấp nhận thực hiện dịch vụ với giá rất thấp hoặc hoạt động, vận hành SXKD trong điều kiện thiếu an toàn, bất chấp các quy định hiện hành, để cắt giảm tối đa các chi phí, làm cho thị trường dịch vụ trong khu vực ngày càng hỗn loạn.

Một số lĩnh vực dịch vụ cốt lõi của Tổng công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng, cụ thể là dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO đã phải chấp nhận đàm phán lại giá với mức phí thấp hơn và gia hạn thanh

toán cho các khách hàng gặp khó khăn. Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và tàu dịch vụ cũng phải đối mặt với nguy cơ lợi nhuận âm do nhu cầu khảo sát giảm mạnh. Lĩnh vực cảng dịch vụ dầu khí cũng đã và đang bị ảnh hưởng nặng với khối lượng công việc và đơn giá cung cấp các dịch vụ (cho thuê kho bãi, phương tiện, hậu cần căn cứ cảng...) giảm mạnh do hầu hết các nhà thầu dầu khí đều giãn, dừng triển khai các chiến dịch khoan, thăm dò dầu khí cũng như thực hiện cắt giảm tối đa chi phí trong bối cảnh khó khăn hiện tại.

Việc tham gia, ký kết các thỏa thuận, hiệp ước quốc tế WTO, CPTPP, FTA... dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng, sâu, rộng của cơ chế, chính sách, các luật liên quan theo hướng giảm bảo hộ, giảm hỗ trợ doanh nghiệp có vốn nhà nước, đồng thời cơ chế chính sách hiện hành còn nhiều bất cập, chưa hỗ trợ một cách tốt nhất cho doanh nghiệp trong nước, gây bất lợi cho doanh nghiệp trong nước trên chính sân nhà - thị trường Việt Nam.

Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do công việc ít và sự bảo hộ ngày càng tăng và mạnh ở các nước sở tại, bên cạnh đó Việt Nam cũng chưa có chính sách cụ thể, rõ ràng hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phát triển dịch vụ tại nước ngoài (ưu đãi về lãi suất cho vay, thuế suất, tài trợ vốn...).

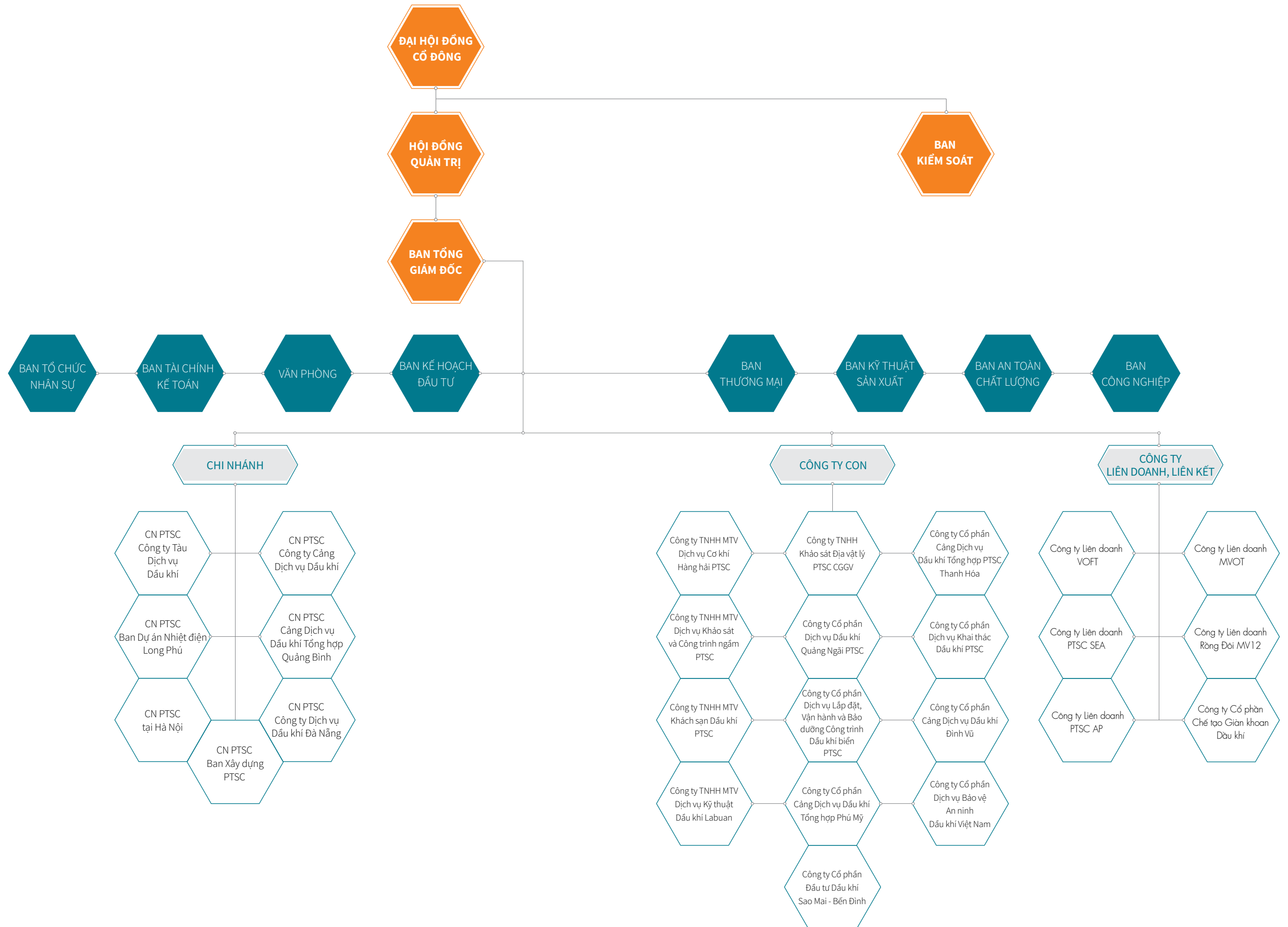




**“GẮN KẾT SỨC MẠNH, PHÁT HUY HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC LÀ
NỀN TẢNG ĐỂ VƯỢT QUA NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC VÀ
THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN”**

NGUỒN LỰC

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



NGUỒN LỰC (tiếp theo)**BỘ MÁY QUẢN LÝ - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông THÁI QUỐC HIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa vật lý,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông NGUYỄN VĂN MẬU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Tài chính Kế toán



Ông PHAN THANH TÙNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật,
Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh, cử nhân Anh Văn



Ông PHẠM VĂN DŨNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải,
Kỹ sư Kinh tế



Ông ĐOÀN MINH MẪN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh



Ông ĐỖ QUỐC HOAN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế,
Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

BỘ MÁY QUẢN LÝ - BAN ĐIỀU HÀNH



Ông PHAN THANH TÙNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật,
Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn



Ông LÊ MẠNH CƯỜNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông NGUYỄN HỮU HẢI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện,
Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp



Ông NGUYỄN TRẦN TOÀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông TẠ ĐỨC TIẾN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị Kinh doanh



Ông NGUYỄN VĂN MẬU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Tài chính Kế toán



Ông NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

BỘ MÁY QUẢN LÝ - BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN QUANG CHÁNH**

PHỤ TRÁCH BAN TCKT

Sinh năm: 1981 tại Vĩnh Long
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

BỘ MÁY QUẢN LÝ - BAN KIỂM SOÁT



Bà **HỒ THỊ OANH**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1972 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán



Ông **TRIỆU VĂN NGHỊ**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1983 tại Phú Thọ
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



Bà **BÙI THU HÀ**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán



NGUỒN LỰC (tiếp theo)**TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH**

	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NẪM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
CÁC CHI NHÁNH				
Chi nhánh Tổng công ty tại Hà Nội	Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao
Chi nhánh Tổng công ty - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, đường 30/4, phường Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, đường 30/4, phường Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ
Chi nhánh Tổng công ty - Ban Xây dựng PTSC	Số 46B, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, tổ chức dự án xây dựng cơ bản, thực hiện các công trình công nghiệp
Chi nhánh Tổng công ty - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và các công trình công nghiệp
CÁC CÔNG TY CON				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Số 31 đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	628 tỷ VNĐ	100%	Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	300 tỷ VNĐ	100%	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

NGUỒN LỰC (tiếp theo)**TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH**

	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Số 9-11 đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	20 tỷ VNĐ	100%	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan	Unit 3A-25, UO350, 3rd Floor, Lubuan Times Square, 87007 Labuan F.T, Malaysia	572.565 USD	100%	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Lô 4H Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi	300 tỷ VNĐ	95,19%	Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	400 tỷ VNĐ	84,95%	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	350 tỷ VNĐ	59,61%	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	400 tỷ VNĐ	54,69%	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	400 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container
Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Tầng 6, tòa nhà PetroVietnam, số 8 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	200 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	500 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp

NGUỒN LỰC (tiếp theo)**TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH**

	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC - CGGV	Phòng 460, tòa nhà PetroVietnam, số 8 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	1.171 tỷ VNĐ	51%	Khảo sát địa chấn, địa chất 2D, 3D Xử lý dữ liệu địa chấn 2D, 3D ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Liên, Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	20 tỷ VNĐ	51%	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT				
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	54.640.000 USD	60%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO) cho khách hàng PCVL
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (PTSC SEA)	No.18, Sungel Kadutl Way, Singapore	37.329.582 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng Biển Đông POC
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (PTSC AP)	No.18, Sungel Kadutl Way, Singapore	119.996.426 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng Lam Sơn JOC
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (MVOT)	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	35.222.268 USD	49%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng TML
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	No.12, International Business Park, Unit 2-06/7 The Strategy Tower, Singapore	4.716.854 USD	33%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng KNOC
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	595 tỷ VNĐ	28,75%	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

NGUỒN NHÂN LỰC

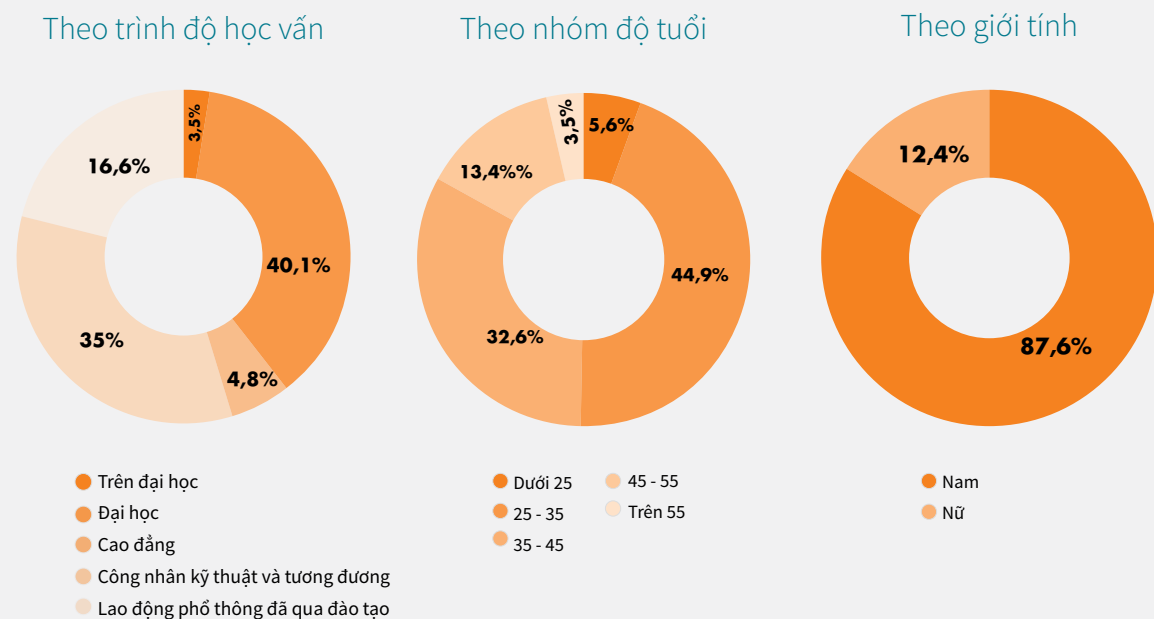
Mục tiêu nguồn nhân lực:

Nguồn lực con người luôn là yếu tố then chốt quyết định sự thành công và phát triển bền vững, vì vậy PTSC xác định mục tiêu phát triển nguồn nhân lực có tác phong chuyên nghiệp, sáng tạo, năng động, có năng lực, khả năng cạnh tranh với lao động trong khu vực và quốc tế; tiếp tục xây dựng và duy trì đội ngũ cán bộ, kỹ sư thiết kế công trình dầu khí, tàu chuyên dụng ngành Dầu khí có trình độ cao, tiến tới hoàn toàn thay thế các chuyên gia nước ngoài.

Cam kết sử dụng nguồn nhân lực:

- Sử dụng NLD theo đúng quy định của pháp luật
- Thiết lập mối quan hệ bền vững với toàn thể NLD
- Chăm lo lợi ích và đảm bảo chính sách, quyền lợi cho NLD
- Trả đãi ngộ theo thực tế lao động
- Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài, tăng mức đãi ngộ hợp lý, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt

TỔNG SỐ CÁN BỘ NHÂN VIÊN CỦA PTSC 8.058 NGƯỜI



CƠ SỞ VẬT CHẤT

PTSC hiện đang sở hữu cơ sở vật chất kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam, có khả năng cung cấp trọn gói dịch vụ kỹ thuật cao cho hoạt động dầu khí, tổng thầu EPC, EPCI, các dự án cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp.

ĐỘI TÀU DỊCH VỤ CỦA PTSC



PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 15 tàu bao gồm các tàu dịch vụ hiện đại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam và nước ngoài có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1	Tàu An Bang (AHTS)	7.040 HP
2	Tàu An Phong (AHTS)	7.040 HP
3	Tàu Phong Lan (AHTS)	5.300 HP
4	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 HP
5	Tàu Bình Minh (AHTS DP2)	5.506 HP
6	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 HP
7	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 HP
8	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 HP
9	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 HP
10	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 HP
11	Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 HP
12	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN - 02 (Utility towing)	3.500 HP
13	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN - 03 (Utility towing)	4.750 HP
14	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 HP
15	Tàu Bạch Hổ (Utility towing)	980 HP

- AHTS: Tàu dịch vụ đa năng
- Utility towing: Tàu lai kéo

- DP1: có hệ thống định vị động học DP 1
- DP2: có hệ thống định vị động học DP 2

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

**KHO NỒI CHỨA,
XUẤT DẦU THÔ
(FSO) VÀ KHO
NỒI CHỨA,
XỬ LÝ VÀ XUẤT DẦU
THÔ (FPSO)**



Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO) là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 05 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

STT	TÊN TÀU	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Tàu FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2	Tàu FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3	Tàu FSO Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4	Tàu FPSO Lam Son	350.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5	Tàu FSO MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đồi

**CƠ SỞ VẬT CHẤT
PHỤC VỤ CHẾ TẠO,
ĐÓNG MỐI CÔNG
TRÌNH DẦU KHÍ**



Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo, xây lắp công trình dầu khí và các công trình công nghiệp là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:



Công trường thi công trên diện tích gần 21 ha, bao gồm xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (19.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...



Cầu cảng chiều dài 410m (05 phân đoạn), chiều rộng 28m và công suất nâng từ 125 đến 1.000 tấn, mực nước sâu 10m - 15m, tải trọng trên cọc 263 - 271 tấn/cọc. Đặc biệt, cầu cảng thiết kế 03 đường trượt (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) và tải trọng phân phối trên khu vực mở là 50 tấn/m².



Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 tấn - 550 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

CĂN CỨ CẢNG



Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và triển khai đầu tư hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí tại tất cả các trung tâm trên cả ba khu vực Bắc - Trung - Nam Việt Nam, đáp ứng tốt và đầy đủ các dịch vụ hậu cần căn cứ cảng cho các công ty và nhà thầu đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí tại Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Tp. Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 750m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -6,5m đến -9m
2	Cảng Hòn La	Tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 8,8 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m
3	Cảng Sơn Trà	Tp. Đà Nẵng	Diện tích: 10 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT (giảm tải) Độ sâu thủy điện: -7,5m

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
4	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 4,2 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 210m, khả năng tiếp nhận tàu 50.000 DWT, độ sâu thủy điện -10m. + Bến số 2: chiều dài 90m, khả năng tiếp nhận tàu 2.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2m
5	Cảng PTSC Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 03 + Bến số 1: chiều dài 385m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy điện -10,5m. + Bến số 2: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7m + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -3,3m
6	Cảng Nghi Sơn	Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Diện tích: 35 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 20.000 DWT, độ sâu thủy điện -9,5m + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 50.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -12m
7	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, Tp. Hải Phòng	Diện tích: 15,2 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 430m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m
8	Cảng Sao Mai Bến Đình	Tp. Vũng Tàu	Diện tích: 163 ha

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

**CƠ SỞ VẬT CHẤT
PHỤC VỤ CÔNG TÁC
VẬN CHUYỂN, ĐẤU
NỔI, XÂY LẮP, BẢO
DƯỠNG SỬA CHỮA
CÁC CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN**



Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nổi, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng các nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao, mạn 7,3m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn
2	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoàn cải ngoài khơi
3	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Diện tích 11.462 m ² , được xây dựng từ năm 2009 với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoàn cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn

**CƠ SỞ VẬT CHẤT
PHỤC VỤ CÁC CÔNG
TÁC KHẢO SÁT**



Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động cung cấp, quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV (Remote Operated Vehicle). PTSC hiện đang kiểm soát chi phối 01 công ty TNHH MTV và 01 công ty Liên doanh với nguồn lực cơ sở vật chất tương đối hoàn chỉnh, có khả năng thực hiện các nhiệm vụ khảo sát trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và thế giới:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02	Thực hiện khảo sát địa chấn bằng công nghệ 2D trên tất cả các vùng biển thềm lục địa của Việt Nam và quốc tế
2	Tàu khảo sát địa chấn 3D CGG Amadeus	Thực hiện khảo sát địa chấn bằng công nghệ 3D trên tất cả các vùng biển thềm lục địa của Việt Nam và quốc tế
3	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor	Thực hiện công tác khoan khảo sát địa chất công trình trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 300m và khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 500m
4	Tàu khảo sát PTSC Researcher	Thực hiện khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu đến 1.000m, khảo sát hải dương trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và khu vực
5	Tàu Dầu khí 105	Tàu dịch vụ 1.600 HP phục vụ hỗ trợ các công tác lặn, khảo sát
6	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m
7	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass	ROV Quasar Compact 007 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Trong suốt 11 năm hoạt động theo mô hình quản trị Công ty mẹ - Công ty con, PTSC đã và đang thực hiện tốt công tác kiện toàn nhằm tăng cường năng lực của Công ty mẹ, giúp PTSC có khả năng điều phối, hỗ trợ các đơn vị cũng như huy động nguồn lực tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ, công việc, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, tìm kiếm thị trường, mở rộng và phát triển các dự án công nghiệp trên bờ, tăng doanh thu, lợi nhuận cho Tổng công ty, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, tạo thêm việc làm cho NLD để Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững.

Quan hệ giữa Công ty mẹ với Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Với việc xác định tập trung nguồn lực phát triển các dịch vụ kinh doanh cốt lõi của PTSC, Công ty mẹ đã tham gia trực tiếp điều hành hoạt động SXKD các lĩnh vực chính, vì vậy mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết rất chặt chẽ, trong đó công tác quản trị minh bạch và xuyên suốt. Sự gắn kết chặt chẽ giữa Công ty mẹ với Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được quy định và thực hiện thông qua Điều lệ của Công ty mẹ, Công ty con; Quy chế quản lý tài chính trong đó quy định rõ về phân cấp, quản lý mục tiêu, kế hoạch tài chính một cách xuyên suốt từ cấp Tổng công ty đến Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết; Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn trong đó có cơ chế quản lý riêng, tùy theo tỷ lệ góp vốn; Quy chế phân cấp quản lý, điều hành; Các quy định của pháp luật hiện hành.

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Công ty mẹ và các Công ty con

Mỗi Công ty con thực hiện một loại hình dịch vụ trong chuỗi các dịch vụ cốt lõi của PTSC, vì vậy sự phối hợp giữa Công ty mẹ - Công ty con rất chặt chẽ nhằm đảm bảo việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng mang lại hiệu quả, đảm bảo lợi thế cạnh tranh ở mức cao nhất. Nhằm giữ vững và nâng cao sức mạnh Công ty mẹ trong hoạt động trực tiếp SXKD cũng như điều phối các nguồn lực trong toàn Tổ hợp Công ty mẹ - con, PTSC cũng có cơ chế, chính sách phối hợp giữa Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết rõ ràng nhằm đảm bảo công tác phối hợp trên nguyên tắc bình đẳng, trong đó có ưu tiên sử dụng nguồn lực nội bộ để tối ưu hóa nguồn lực trong toàn Tổng công ty PTSC.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Hệ thống Quản lý SKATMTCL hợp nhất của PTSC được triển khai đồng bộ, áp dụng từ cấp Tổng công ty đến các đơn vị thành viên trực thuộc theo các tiêu chuẩn quốc tế: OHSAS 18001:2007 (Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp), ISO 14001:2015 (Hệ thống quản lý môi trường) và ISO 9001:2015 (Hệ thống quản lý chất lượng). Hệ thống quản lý SKATMTCL hợp nhất này đã được Tổ chức chứng nhận quốc tế (BSI - Viện Tiêu chuẩn Anh quốc) liên tục đánh giá hằng năm và cấp giấy chứng nhận phù hợp theo các tiêu chuẩn quốc tế trên.



ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG

Trong chiến lược kinh doanh, PTSC luôn chú trọng tạo dựng thương hiệu bền vững và giữ uy tín cao nhất đối với các khách hàng, đối tác với quan điểm sẵn sàng chia sẻ, hợp tác cùng phát triển và thành công. Chính vì vậy, PTSC luôn duy trì mối quan hệ hợp tác gắn bó với nhiều khách hàng, đối tác trong nước và trên thế giới.



PTSC - GIẢI PHÁP CHO DẦU KHÍ, CÔNG NGHỆ

QUẢN TRỊ BỀN VỮNG



Hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Hoạt động của Ban TGD

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2017

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

Trong tình hình giá dầu chưa có dấu hiệu chuyển biến tích cực rõ rệt, ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt, chỉ đạo, triển khai xây dựng các mục tiêu, chiến lược năm 2017 và kế hoạch năm 2018 với trọng tâm xây dựng và triển khai hàng loạt giải pháp, huy động mọi nguồn lực nhằm thực hiện một cách tốt nhất mục tiêu đã đặt ra, đảm bảo hoạt động SXKD được duy trì ổn định.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017



Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017, HĐQT thực hiện công tác giám sát, kiểm soát, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông theo đúng chức năng, quyền hạn và hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh đã đề ra, các hoạt động của HĐQT tập trung vào các trọng tâm sau:



Công tác chỉ đạo chiến lược phát triển Tổng công ty

Trong tình hình giá dầu chưa có dấu hiệu chuyển biến tích cực rõ rệt, HĐQT đã chỉ đạo, triển khai thực hiện chủ trương, giải pháp phát triển dịch vụ trên bờ, đa dạng hóa thị trường và khách hàng của Tổng công ty, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho các ngành công nghiệp trong và ngoài nước. Đồng thời, HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành có các giải pháp phân bổ nguồn lực phù hợp với khả năng phục hồi, phát triển của từng dịch vụ chính trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện các mục tiêu theo Kế hoạch 5 năm 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 của Tổng công ty đã đề ra.

Để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, cơ cấu tổ chức các Ban chức năng phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, HĐQT đã tiến hành quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý Cơ quan Tổng công ty giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2020-2025.



Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Để đảm bảo công tác quản trị của HĐQT tuân thủ những quy phạm pháp luật mới và sự thay đổi môi trường kinh doanh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của tất cả các cấp tại Công ty Mẹ cũng như trong toàn Tổ hợp Công ty mẹ - con, HĐQT đã chỉ đạo triển khai các công tác hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý như sau:

- Chỉ đạo tổ chức xây dựng nội dung dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ để trình ĐHĐCĐ tại phiên họp thường niên 2018, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
- Chỉ đạo rà soát các quy định liên quan đến phân cấp trong quản lý, điều hành SXKD Tổng công ty.



Công tác chỉ đạo thực hiện Kế hoạch SXKD

Nhận diện tình hình khó khăn của năm 2017, HĐQT đã bám sát thực tế, phê duyệt và thông qua các chủ trương, giải pháp để cùng Ban điều hành đánh giá, chỉ đạo xây dựng và thực hiện hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tổng doanh thu hợp nhất là 22.368 tỷ đồng, đạt 172% so với kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế là 1.005 tỷ đồng, đạt 144% so với kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế là 782 tỷ đồng, đạt 140% so với kế hoạch năm.



Công tác quản lý Người đại diện của PTSC tại các doanh nghiệp khác

HĐQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc định kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ đang được cử làm Người đại diện của Tổng công ty tại đơn vị; thực hiện bổ nhiệm lại cán bộ thuộc quyền quản lý của HĐQT theo quy định, kịp thời thay đổi, bổ sung Người đại diện để phù hợp với yêu cầu quản lý của Tổng công ty tại các đơn vị.



Giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn tại các đơn vị

HĐQT đã chỉ đạo tăng cường công tác giám sát, kiểm soát hoạt động của đơn vị và trực tiếp cùng với Người đại diện xây dựng các phương án tháo gỡ khó khăn, phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 (tiếp theo)



Quản lý, giám sát hoạt động đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư các dự án tại Công ty mẹ, thông qua Người đại diện để quản lý, giám sát các dự án đầu tư tại đơn vị; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai đầu tư phù hợp với nhu cầu sản xuất, đảm bảo hiệu quả trong việc đầu tư và sử dụng nguồn lực của Tổng công ty.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 là 169 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu của việc triển khai chưa đạt kế hoạch đầu tư do một số dự án tạm dừng triển khai hoặc chậm giải ngân theo tiến độ như: Dự án đầu tư xây dựng căn cứ cảng Dịch vụ Dầu khí tại Phú Quốc; Dự án đầu tư và kinh doanh đội tàu phục vụ gấn bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn; Dự án góp vốn đầu tư và kinh doanh Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu khí (FPSO) cho Talisman Vietnam Limited thuê phục vụ phát triển mỏ Cá Rồng Đỏ.



Các hoạt động khác

Công tác tăng vốn điều lệ

Tổng công ty chưa hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ theo kế hoạch do dự án dự kiến cần sử dụng vốn là Dự án FPSO Cá Rồng Đỏ có sự thay đổi về tiến độ triển khai theo yêu cầu từ phía khách hàng. Công tác này sẽ được chuyển tiếp sang năm 2018 để tiếp tục thực hiện.

Chuyển chứng khoán PVS sang niêm yết tại HOSE

Tổng công ty chưa thể hoàn thiện hồ sơ niêm yết tại HOSE do một số vấn đề trong việc xử lý công nợ với các bên liên quan chưa hoàn tất theo quy định hiện hành. HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác này sau khi hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu.

Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán đối với tổ chức niêm yết. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc tổ chức hơn 50 lượt tiếp xúc, cung cấp thông tin cho các quỹ, nhà đầu tư quan tâm đến cổ phiếu của Tổng công ty.

Các công tác thường xuyên

Ngoài các nhiệm vụ theo kế hoạch, HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Tổng công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT với 6 Thành viên (khuyết 01 Thành viên nghỉ hưu chưa bầu bổ sung) đã nỗ lực cùng Ban điều hành lãnh đạo Tổng công ty vượt qua nhiều khó khăn, biến động để hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản đã đặt ra, tạo điều kiện thuận lợi để Tổng công ty tiếp tục ổn định, nắm bắt và hiện thực hóa thành công những cơ hội trong thời gian tới.

Việc quản lý Tổng công ty tiếp tục tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các cổ đông, người lao động, cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

Trên cơ sở kế hoạch công tác năm 2017, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2017 là đúng thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Tổng công ty.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 (tiếp theo)

Dựa trên đánh giá tình hình năm 2017, bám sát các mục tiêu chiến lược phát triển Tổng công ty, HĐQT đề ra chương trình công tác năm 2018 như sau:

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2018



1

Đồng hành cùng Ban điều hành chỉ đạo hoạt động SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu SXKD ĐHCĐ giao.

2

Quyết định, giám sát công tác đầu tư đảm bảo hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển và triển khai các giải pháp về nguồn vốn cho các dự án đầu tư lớn trong năm.

3

Cải tiến hệ thống quản trị: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty.

4

Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro, đánh giá hoạt động quản lý, sử dụng, bảo toàn vốn và tài sản.

5

Đánh giá, xây dựng phương án tái cấu trúc Tổng công ty nhằm xử lý các đơn vị khó khăn, kinh doanh không hiệu quả và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh, phù hợp với SXKD thực tế.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2017, HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc đối diện và ứng phó tốt với khó khăn, biến động của ngành dầu khí nói riêng và cả nền kinh tế nói chung để điều hành Tổng công ty đạt được kết quả khả quan, thể hiện ở các mặt sau:

Đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cơ bản và trọng yếu bao gồm: Doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo cổ tức vượt chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ 2017 giao.

Bám sát và chỉ đạo triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với tình hình thực tế; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các dự án, đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.

Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý.

Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.

Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.

Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin.

Chủ động thực hiện công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ mới.

Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, tạo môi trường chuyên nghiệp của NLĐ.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Xác định được trách nhiệm quan trọng của BKS là bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư và giúp Tổng công ty PTSC phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ, BKS đã bám sát và triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2017 căn cứ đúng quyền hạn và trách nhiệm của BKS quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty PTSC.

Hoạt động của BKS năm 2017

Các hoạt động trong năm 2017 của BKS tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty PTSC và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm các hoạt động sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban TGD;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng công ty PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với Tổng công ty PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đảm bảo thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực;
- Thực hiện các công tác khác của BKS theo kế hoạch hoạt động năm 2017. Định kỳ hằng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty PTSC, Nghị quyết ĐHĐCĐ; đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật Nhà nước, tình hình thực hiện và tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của chủ sở hữu có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty PTSC.

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017

Trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2017, hoạt động của BKS đã đạt được các kết quả sau:

Giám sát công tác quản trị của HĐQT

Trong năm 2017, công tác quản trị Tổng công ty của HĐQT tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PTSC, các quy định pháp luật có liên quan và các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đảm bảo thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực;

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo tổ chức xây dựng nội dung dự thảo Điều lệ mới và Quy chế quản trị nội bộ để trình ĐHĐCĐ 2017 thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC, tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, BKS, các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty PTSC thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định;

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp và 69 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 269 văn bản, trong đó có 131 nghị quyết/quyết định và 138 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty PTSC. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các đơn vị

thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với đơn vị.

Giám sát công tác điều hành của Ban TGD

Năm 2017, dưới sự chỉ đạo, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD đã nỗ lực rất lớn trong việc điều hành, chỉ đạo, áp dụng hàng loạt các giải pháp để ứng phó tốt với khó khăn, biến động của ngành Dầu khí. Ban TGD đã thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội, đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty PTSC và mang lại lợi nhuận, lợi ích cao nhất cho Tổng công ty PTSC, NLĐ và các bên liên quan thể hiện qua kết quả doanh thu, lợi nhuận đều vượt chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Trong quá trình điều hành, Ban TGD đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị, các nghị quyết, quyết định của HĐQT hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty PTSC.

Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình hoạt động SXKD

Năm 2017, BKS đã phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan để thẩm định việc lập kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, kết quả như sau:

Qua thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2017 được soát xét bởi Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, BKS nhận thấy:



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 (tiếp theo)

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty PTSC và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.

Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và thư quản lý của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Đánh giá sự phối hợp của BKS với HĐQT, Ban TGD

BKS đã phối hợp với HĐQT, Ban TGD trên nguyên tắc lợi ích hợp pháp tối đa cho Tổng công ty PTSC, cổ đông và theo đúng Điều lệ của Tổng công ty PTSC và các quy định của pháp luật.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; BKS được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.



KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để triển khai tốt vai trò, nhiệm vụ của BKS, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành đảm bảo tính minh bạch, mang lại quyền lợi hợp pháp cho Tổng công ty PTSC và các cổ đông, năm 2018 BKS tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- 1 Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty PTSC;
- 2 Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các quy chế, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 3 Kiểm tra giám sát tình hình triển khai công tác SXKD, công tác đầu tư của Tổng công ty PTSC;
- 4 Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; phối hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc quản lý phần vốn của Tập đoàn tại PTSC và phần vốn của PTSC đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- 5 Thẩm định quyết toán quỹ tiền lương năm 2017 và kế hoạch tiền lương năm 2018 của NLĐ và quỹ tiền lương viên chức quản lý năm 2017 theo các quy định hiện hành;
- 6 Giám sát, đánh giá tình hình tài chính của Tổng công ty;
- 7 Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2016-2020;
- 8 Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm theo chỉ thị của Chính phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 9 Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- 10 Thực hiện các công việc khác của BKS theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2017

Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Người quản lý năm 2017

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho từng Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban TGD và các cán bộ quản lý được công bố rõ ràng và cụ thể:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC (Đơn vị: VND)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch	1.201.091.000
Phan Thanh Tùng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1.270.721.000
Nguyễn Văn Mậu	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	1.008.577.000
Phạm Văn Dũng	Thành viên	843.553.000
Đỗ Quốc Hoan	Thành viên	706.860.000
Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	228.000.000
BAN KIỂM SOÁT		
Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban	777.483.000
Bùi Thu Hà	Thành viên	443.709.000
Triệu Văn Nghị	Thành viên	85.000.000
BAN ĐIỀU HÀNH		
Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	890.034.000
Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	918.784.000
Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	903.577.000
Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	808.024.000
Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	841.459.000

Tổng quỹ tiền lương, thù lao và lợi ích khác đã chi cho Người quản lý năm 2017 là **10.926.872.000 VND**, bằng 89% Tổng quỹ tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Người quản lý được trích theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 là **12.257.000.000 VND**.

Dự kiến tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Người quản lý năm 2018

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Tổng công ty xây dựng phương án trả lương, thù lao cho Người quản lý năm 2018 như sau:

Mức thù lao cho Người quản lý không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2018:

Thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 10.000.000 VND/tháng/người.

Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm 7.000.000 VND/tháng/người.

Quỹ thù lao hằng năm của Người quản lý kiêm nhiệm được xác định trên cơ sở số người quản lý kiêm nhiệm, thời gian thực tế làm việc trong năm và mức thù lao của Người quản lý kiêm nhiệm theo quy định, hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách

Thực hiện theo Quy chế trả lương của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, phù hợp với quy định, hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định số 53/2016/NĐ-CP.

Quỹ thưởng cho Người quản lý năm 2018: thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

Việc quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2018, ủy quyền cho HĐQT thực hiện, phê duyệt theo quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu cao nhất.



TIẾP NỐI THÀNH CÔNG



Kết quả hoạt động SXKD năm 2017
Phát triển bền vững
Chứng khoán PVS

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Với sự đồng lòng thực hiện mục tiêu “Gắn kết để cộng hưởng sức mạnh” tới cùng, PTSC đã vượt qua khó khăn, thách thức cho năm tài chính 2017 và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tập đoàn hoàn thành kế hoạch, đứng vững trước giông tố, duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.



DOANH THU CÁC DỊCH VỤ CỐT LÕI NĂM 2017

TÀU DỊCH VỤ DẦU KHÍ:

Doanh thu: **2.404** tỷ đồng
đạt 120% kế hoạch năm

VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT, ĐẦU NỐI, VẬN HÀNH, SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ (O&M):

Doanh thu: **1.032** tỷ đồng
đạt 129% kế hoạch năm

CUNG ỨNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC KHO NỔ FSO/FPSO:

Doanh thu: **3.304** tỷ đồng
đạt 118% kế hoạch năm

DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM BẰNG ROV:

Doanh thu: **1.500** tỷ đồng
đạt 107% kế hoạch năm

CƠ KHÍ DẦU KHÍ, CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP:

Doanh thu: **824** tỷ đồng
đạt 130% kế hoạch năm

DỊCH VỤ KHÁC:

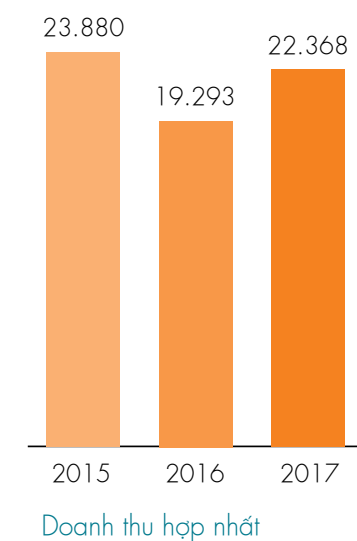
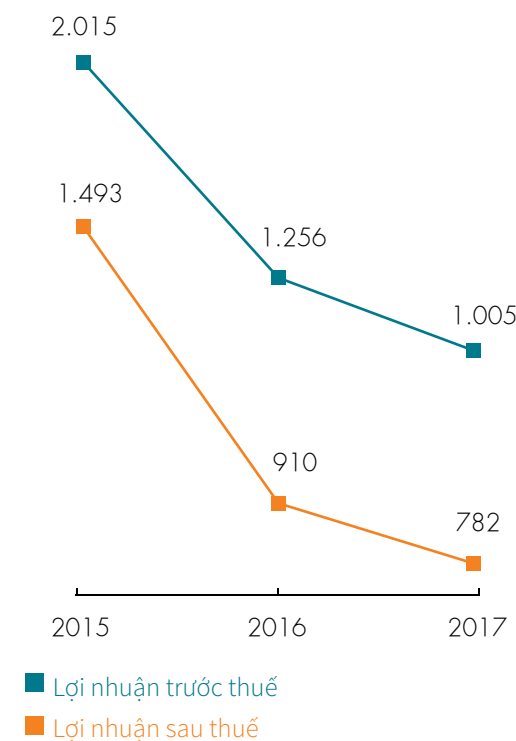
Doanh thu: **551** tỷ đồng
đạt 138% kế hoạch năm

CĂN CỨ CẢNG DẦU KHÍ:

Doanh thu: **1.600** tỷ đồng
đạt 123% kế hoạch năm

KẾT QUẢ TOÀN TỔNG CÔNG TY PTSC NĂM 2017

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	SỐ VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SỐ VỚI THỰC HIỆN NĂM 2016
1	Doanh thu và thu nhập khác hợp nhất	Tỷ VNĐ	19.293	13.000	22.368	172%	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	1.256	700	1.005	144%	80%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	910	560	782	140%	86%

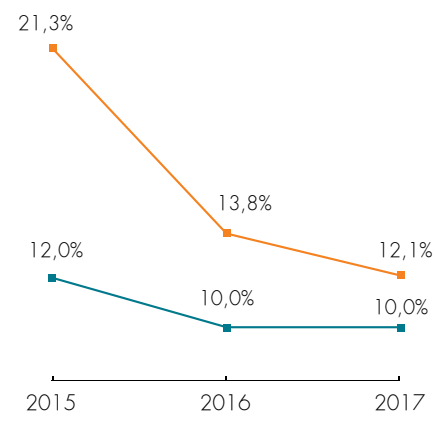
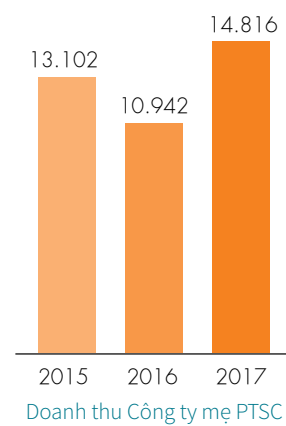
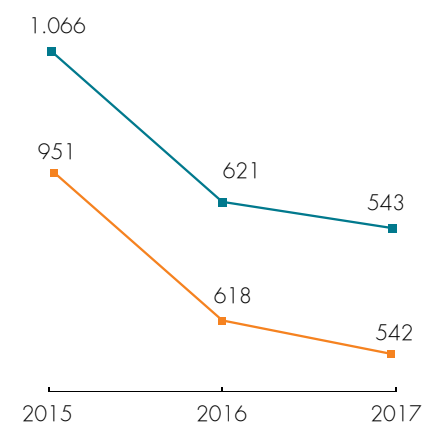


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

(tiếp theo)

KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ PTSC NĂM 2017

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	SỐ VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SỐ VỚI THỰC HIỆN NĂM 2016
1	Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	4.467,0	5.896	4.467	76%	100%
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ VNĐ	10.942	7.900	14.816	188%	135%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	621	420	543	129%	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	619	410	542	132%	88%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%	7%	10%	143%	100%
6	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	13,9%	7,0%	12,1%	175%	88%



■ Lợi nhuận trước thuế
■ Lợi nhuận sau thuế

■ Tỷ lệ cổ tức (%)
■ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ (%)



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017



Khép lại năm 2017, hoạt động SXKD của Tổng công ty PTSC bị ảnh hưởng nghiêm trọng do hệ lụy từ việc giá dầu sụt giảm sâu và liên tục duy trì ở mức thấp trong những năm qua. Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt trên thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí do các dự án mới, phát triển mở trong và ngoài nước bị giãn, dừng triển khai, dẫn đến khối lượng và giá trị công việc giảm đáng kể, PTSC đã khẩn trương áp dụng hàng loạt các giải pháp quyết liệt, mạnh mẽ và đồng bộ để đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, cắt giảm chi tiêu, thực hành tiết kiệm trong SXKD, trong đó có cả giải pháp cắt giảm các chi phí mang tính chất lương, cắt giảm nhân sự, giãn khấu hao... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí.

Kết quả doanh thu hợp nhất ước thực hiện cả năm 2017 của toàn Tổng công ty đạt 22.368 tỷ đồng, bằng 172% kế hoạch năm; lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.005 tỷ đồng, bằng 144% kế hoạch năm. Các dịch vụ do Tổng công ty PTSC thực hiện luôn đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và đáp ứng được tất cả các yêu cầu của các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước; nguồn lực, hệ thống được duy trì, phát triển ổn định, đãi ngộ cho NLD vẫn được đảm bảo.

Để đạt được những thành quả trên là nhờ vào những tiến bộ mà Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện trong các mặt hoạt động năm 2017, cụ thể như sau:

- Tập thể Tổng công ty PTSC đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo và thực hiện quyết liệt đồng bộ các giải pháp, tăng cường tiết giảm chi phí trong toàn Tổng công ty.
- Lãnh đạo Tổng công ty đã sâu sát, có biện pháp khuyến khích, tạo động lực cho NLD tự giác nỗ lực làm việc, phát huy tối đa khả năng của mình; củng cố văn hóa minh bạch, công bằng, môi trường lao động văn minh.
- Các phong trào sáng kiến cải tiến trong toàn Tổng công ty được đẩy mạnh, có chiều sâu với nhiều đóng góp sáng kiến, cải tiến thiết thực và hiệu quả. Các sáng kiến cải tiến của NLD cũng như của các đơn vị tư vấn được Tổng công ty thống kê, phổ biến đến tất cả các đơn vị thành viên/trực thuộc để nghiên cứu, vận dụng cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của từng đơn vị, mang lại hiệu quả cao.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được Tổng công ty chú trọng thúc đẩy dưới nhiều hình thức đào tạo, tự đào tạo... đã đáp ứng tốt yêu cầu cập nhật, học hỏi, nâng cao kỹ năng, kiến thức của NLD để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ kỹ thuật cao.

- Công tác phát triển thị trường có nhiều cải tiến phù

hợp, phân tích thị trường, tập trung trọng điểm kết hợp đẩy mạnh liên doanh, liên kết hợp tác với nhà thầu, đối tác trong và ngoài nước.

- Phát triển mạnh nguồn lực thiết kế, kỹ thuật, quản lý khoa học, công nghệ, hỗ trợ tốt cho công tác, công việc và thực hiện dự án.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH



Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng

Trong năm 2017, tình hình thị trường tàu dịch vụ còn rất nhiều khó khăn, thách thức: các hoạt động thăm dò, khai thác, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí vẫn tiếp tục dừng, giãn, chưa có kế hoạch triển khai cụ thể hoặc hoạt động cầm chừng; các nhà thầu dầu khí đã triển khai triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa khối lượng công việc cũng như chi phí hoạt động; sức ép cạnh tranh tăng cao do sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà thầu nước ngoài, tư nhân với việc chào phá giá, giá cung cấp dịch vụ rất thấp, thậm chí sẵn sàng thực hiện với giá lỗ rất nhiều so với giá thành...

Tổng số ngày hoạt động của đội tàu Tổng công ty năm 2017 (bao gồm tàu thuê bareboat) là 3.885 ngày, giảm 20,91% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 2.404 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch năm.



Dịch vụ cung ứng, quản lý, vận hành, khai thác kho nổi FSO/FPSO

Trong năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác cung ứng, quản lý, khai thác, vận hành các kho nổi FPSO Ruby II, FPSO Lam Sơn, FSO Biển Đông 1 hoạt động an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của khách hàng với thời gian uptime trên 99,9%; tiếp tục thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp thuyền viên làm việc trên các kho nổi FSO MV12, FSO Orkid, FPSO Thai Binh VN.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 3.304 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm, giảm 9% so với năm trước.



Dịch vụ cơ khí dầu khí

Trong năm 2017, Tổng công ty PTSC đã tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các dự án cơ khí chế tạo công trình biển: Dự án DAMAN-Phase 2, Greater Enfield..., đảm bảo an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng và hiệu quả dự án.

Các dự án, công trình công nghiệp trên bờ như: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, các gói thầu thuộc Dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn, Dự án NPK, NH₃, Dự án nạo vét cảng biển Trung tâm Điện lực Duyên Hải - Trà Vinh... được thực hiện tốt, đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng.

Ngoài các dự án đang thực hiện, Tổng công ty PTSC cũng nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh doanh, tiếp cận các dự án tiềm năng để duy trì công việc trong thời gian tới: Dự án Đại Nguyệt - Sao Vàng, Sư Tử Trắng FF - Giai đoạn 2-Block B, Cá Voi Xanh, Báo Vàng, Kinh Ngư... và các dự án trên bờ như: Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Long Sơn, Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất mở rộng...

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 8.824 tỷ đồng, đạt 130% kế hoạch năm, giảm 16% so với năm trước.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Dịch vụ căn cứ cảng

Các hoạt động dịch vụ căn cứ cảng dầu khí tại cảng Hạ lưu Vũng Tàu tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Trong năm 2017, số nhà thầu triển khai kế hoạch khoan chỉ trung bình khoảng 3 nhà thầu/tháng, giảm khoảng 17% so với năm 2016. Trong bối cảnh đó, Tổng công ty đã nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động marketing, tăng cường mở rộng và phát triển các dịch vụ logistics, forwarding, cung ứng phương tiện thiết bị, nhân lực, dịch vụ phụ trợ... cho các dự án, khách hàng cả trong/ngoài ngành để bù đắp lại phần công việc bị sụt giảm. Kết quả SXKD lĩnh vực này đã bước đầu có dấu hiệu hồi phục, bớt suy giảm với doanh thu thực hiện năm 2017 đạt 535 tỷ đồng, giảm 14% so với thực hiện năm trước.

Các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ căn cứ cảng tổng hợp bao gồm Cảng Dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ (Bà Rịa-Vũng Tàu), Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cảng Sơn Trà (Đà Nẵng)... tiếp tục được duy trì ổn định và có phần tăng trưởng tốt do sự hồi phục của nền kinh tế vĩ mô. Kết quả thực hiện doanh thu từ lĩnh vực này đạt 1.065 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm trước.

Tổng doanh thu từ loại hình dịch vụ căn cứ cảng năm 2017 là 1.600 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch năm, giảm 2% so với năm trước.



Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí

Năm 2017 tiếp tục là năm đầy khó khăn của Tổng công ty trong lĩnh vực dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí. Số lượng các công việc, dự án mới về vận chuyển, lắp đặt công trình biển rất ít với biên lợi nhuận thấp. Doanh thu thực hiện từ lĩnh vực dịch vụ này năm 2017 chủ yếu là từ các công việc, dự án chuyển tiếp từ năm 2016 gồm: Dự án cung cấp dịch vụ đấu nối giàn FMB cho khách hàng Technip (Qatar), Dự án cung cấp nhân sự, sà lan cho Hyundai thuê và các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nhân sự O&M cho JPVC, KNOC, PVEP, CLJOC... Công tác tổ chức khai thác các phương tiện sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và sà lan vận chuyển PTSC 01 cũng gặp nhiều khó khăn và tiếp tục chịu sự sụt giảm đáng kể so với năm trước, cụ thể: thời gian khai thác sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 năm 2017 đạt 185 ngày, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước, sà lan vận chuyển PTSC 01 đạt 40 ngày, giảm 60% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 1.032 tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch năm, giảm 43% so với năm trước.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV

Dịch vụ khảo sát địa chấn:

Trong bối cảnh sức ép cạnh tranh vô cùng khốc liệt trên thị trường khảo sát địa chấn những năm qua, Tổng công ty đã phải giảm giá tối đa để có thể cạnh tranh được với các chủ tàu nước ngoài đang sẵn sàng chào phá giá, chấp nhận thực hiện dịch vụ với giá rất thấp để cắt lỗ. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt và ảnh hưởng tàu cá, việc tổ chức thực hiện công tác khảo sát, thu nổ địa chấn gặp nhiều khó khăn, phát sinh chi phí lớn. Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 2D thực hiện năm 2017 là 11.528 km tuyến với số ngày làm việc của tàu Bình Minh 02 là 188 ngày (tương đương 52% thời gian). Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 3D thực hiện trong năm 2017 là 5.814 km² với số ngày làm việc là 334 ngày (tương đương 91,5% thời gian). Dù khối lượng công việc khảo sát địa chấn 3D trong năm 2017 tương đối tốt, doanh thu thực hiện đạt 927 tỷ đồng, tăng 21% so với năm trước, tuy nhiên kết quả kinh doanh trong lĩnh vực này vẫn tiếp tục lỗ 200 tỷ đồng (giảm lỗ hơn 50% so với năm 2016).

Dịch vụ khảo sát địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV:

Các hoạt động khảo sát địa chất, địa vật lý, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV tiếp tục gặp nhiều khó khăn do sự sụt giảm khối lượng công việc lẫn đơn giá dịch vụ. Tổng số ngày làm việc ROV trong năm 2017 là 228 ngày, giảm 24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó số ngày làm việc của tàu PTSC Researcher là 165 ngày, giảm 25%; số ngày làm việc của tàu Surveyor là 28 ngày, giảm 54%. Doanh thu thực hiện đạt 573 tỷ đồng, giảm 13% so với năm trước. Với những nỗ lực tiết giảm chi phí, kết quả kinh doanh từ lĩnh vực này vẫn đảm bảo không lỗ và được duy trì ổn định.

Tổng doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 1.500 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch năm, giảm 9% so với năm trước.



Dịch vụ khác

Các dịch vụ khác như dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ bảo vệ... vẫn tiếp tục được duy trì ổn định:

- Duy trì khai thác ổn định khách sạn Đà Nẵng Petro, khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, đáp ứng các nhu cầu dịch vụ khách sạn, tổ chức hội thảo, hội nghị... của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các đơn vị trong và ngoài ngành, các công ty lữ hành cũng như khách du lịch tại địa phương. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2017 tiếp tục giảm sút so với năm 2016 do chịu ảnh hưởng chủ trương tiết giảm chi phí của các công ty nhà thầu dầu khí dẫn đến nhu cầu dịch vụ khách nghỉ ngơi cao lưu trú tại khách sạn cũng như việc tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo giảm sút đáng kể.
- Tổ chức triển khai hiệu quả, an toàn các hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ đã ký kết, đảm bảo an ninh an toàn cao nhất tại các mục tiêu bảo vệ, đặc biệt là các mục tiêu trọng điểm.
- Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 551 tỷ đồng, đạt 138% kế hoạch năm, giảm 10% so với năm trước.



Công tác đầu tư phương tiện thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Công ty mẹ Tổng công ty trong năm 2017 chủ yếu là thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm trước và nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tình hình thị trường đối với các dự án đầu tư được phê duyệt. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2017 của Công ty mẹ - Tổng công ty là 169 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch năm. Kết quả thực hiện đầu tư thấp so với kế hoạch đề ra là do một số nguyên nhân chính như sau:

- Bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí chưa có nhiều biến chuyển, khối lượng công việc và giá dịch vụ vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp, dẫn đến những phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án mới trong kế hoạch năm 2017 đều chưa đảm bảo tính khả thi hoặc hiệu quả chưa đạt kỳ vọng.
- Dừng triển khai Dự án đầu tư căn cứ cảng Dịch vụ Dầu khí tổng hợp Phú Quốc do Văn phòng Chính phủ đã có chỉ đạo, ban hành Thông báo số 234/TB-VPCP ngày 25/5/2017, trong đó có nội dung điều chỉnh chức năng cảng dầu khí thành cảng du lịch. Để thay thế, Tổng công ty DVKT đang triển khai nghiên cứu phương án đầu tư căn cứ cảng tại Kiên Lương.
- Giãn giá trị giải ngân Dự án đầu tư và kinh doanh đội tàu phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn do điều chỉnh lại tiến độ triển khai dự án cho phù hợp với yêu cầu khách hàng.
- Chưa thực hiện góp vốn đầu tư FPSO Cá Rồng Đò do khách hàng đang gặp một số khó khăn trong việc triển khai dự án.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2018

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

Trên cơ sở các thông tin, đánh giá về tình hình thị trường, những kết quả đạt được trong năm 2017, những kinh nghiệm và các nhận định, đánh giá cơ hội thị trường trong thời gian tới, PTSC đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018



Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu Công ty mẹ năm 2018

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	5.896
	+ Trong đó, tỷ lệ tham gia của Tập đoàn	%	51%
2	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	5.200
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	450
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	420
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ VNĐ	150
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL cuối kỳ	%	7,12
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	7
8	Thực hiện đầu tư XDCB & mua sắm PTTB	Tỷ VNĐ	1.270

Nhiệm vụ trọng tâm

1

Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh và phát triển các hoạt động SXKD, đảm bảo cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chuyên ngành chất lượng cao, uy tín, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí; tích cực đẩy mạnh công tác marketing tham gia đấu thầu và tìm kiếm ký kết các hợp đồng nhằm bảo đảm việc làm cho NLD; củng cố thị trường trong nước, mở rộng thị trường nước ngoài; xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh liên kết phù hợp với thế mạnh của Tổng công ty PTSC. Cụ thể các nhiệm vụ cho từng lĩnh vực dịch vụ như sau:

- **Dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí:** Quản lý và khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu dịch vụ chuyên dụng của Tổng công ty và đội tàu thuê ngoài, cung cấp đáp ứng tối đa nhu cầu tàu dịch vụ, tàu bảo vệ cho thị trường trong nước.
- **Dịch vụ cơ khí dầu khí:** Triển khai hiệu quả, an toàn, chất lượng và đúng tiến độ các dự án: Dự án Đại Nguyệt Sao Vàng, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Dự án NPK, NH₃, Dự án LHD Long Sơn... khẳng định uy tín và năng lực cung cấp dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp.
- **Dịch vụ kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô FSO/FPSO:** Tiếp tục quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các kho nổi FSO/FPSO, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thực hiện tốt việc cung cấp nhân sự vận hành cho các tàu FSO Orkid, Thái Bình VN, MV12.
- **Dịch vụ căn cứ cảng:** Tiếp tục duy trì quản lý và tổ chức khai thác tốt nguồn lực, cơ sở hạ tầng và các phương tiện thiết bị hiện có tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu về dịch vụ kho, bãi, văn phòng, nhà xưởng, cầu bến, phương tiện thiết bị... cho các công ty/nhà thầu dầu khí; đồng thời đẩy mạnh công tác marketing nỗ lực tìm kiếm mọi cơ hội để phát triển và mở rộng thị trường cung cấp các dịch vụ mới như logistics, forwarding... phục vụ cho các đơn vị cả trong và ngoài ngành nhằm bù đắp cho nhu cầu dịch vụ dầu khí bị sụt giảm; tiếp tục tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả các căn cứ cảng dịch vụ tổng hợp: Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cảng Sơn Trà (Đà Nẵng)...
- **Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí:** Tổ chức triển khai an toàn, chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu các nhà thầu dầu khí; khai thác an toàn và hiệu quả sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và sà lan vận chuyển 5.000 tấn PTSC-01.
- **Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV:** Tổ chức quản lý, khai thác an toàn các tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02 và tàu khảo sát địa chấn 3D Amadeus, tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor, PTSC Researcher; phấn đấu giữ vững thị trường dịch vụ ROV trong nước và phát triển đưa dịch vụ ROV ra thị trường nước ngoài.
- **Các dịch vụ khác:** Tiếp tục duy trì ổn định các dịch vụ khác như dịch vụ khách sạn, dịch vụ bảo vệ... nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng và đảm bảo mức tăng trưởng theo chiến lược chung của Tổng công ty, Tập đoàn.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

2

Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt, đầu tư có trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực chính phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp phục vụ Dự án Lô B, bảo đảm kỹ thuật, tiến độ và hiệu quả.

3

Phân bổ nguồn kinh phí phù hợp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ quốc tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty PTSC.

4

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ, triệt để tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh. Hỗ trợ kịp thời các đơn vị gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5

Duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng công ty PTSC. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và cập nhật, bổ sung phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ, NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả, kỷ luật nghiêm minh, môi trường minh bạch, gắn kết trực tiếp đãi ngộ với đóng góp;

Triệt để áp dụng nguyên tắc so sánh giữa doanh nghiệp vốn nhà nước chi phối như Tổng công ty PTSC và doanh nghiệp tư nhân, tư bản tư nhân. Phân tích, đánh giá các yếu tố đầu vào và đầu ra, những khác biệt về cơ chế, cách thức quản trị doanh nghiệp, có giải pháp nâng cao năng lực và tăng sức cạnh tranh của Tổng công ty bằng hoặc hơn các doanh nghiệp tư bản tư nhân khác;

Áp dụng để án năng lực cạnh tranh, để án phát triển sản xuất vào trong quản lý, thực hiện dự án, trong đó mấu chốt là cơ chế giao quyền, trách nhiệm cho Giám đốc dự án song song với tăng cường kiểm soát, nguồn lực phục vụ thực hiện dự án linh hoạt, cơ chế khoán trong lao động, gắn kết trực tiếp thu nhập và đãi ngộ NLD với đóng góp thực tế và hiệu quả lao động. Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với giá cả cạnh tranh hơn trong bối cảnh quốc tế hội nhập ngày càng sâu rộng, cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng khó khăn.

Xem xét đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD, công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng xây dựng các phần mềm như: Thư viện điện tử, quản lý thông tin công việc, nhân sự, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), quản trị quan hệ khách hàng (CRP), quản trị dây chuyền cung cấp (SCM)...



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KINH DOANH KHU VỰC DẦU KHÍ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP, GIỮ VỮNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN RA NƯỚC NGOÀI; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MỚI.

Xây dựng và kiện toàn hệ thống nhân sự làm công tác phát triển kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo nhân sự phù hợp, có năng lực, kinh nghiệm; triển khai xây dựng cách thức hoạt động, hệ thống, kết nối chặt chẽ với các nguồn cung cấp thông tin, đảm bảo các thông tin liên quan được thu thập, liên tục được cập nhật, xử lý phù hợp, hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển (R&D); hoàn thiện và áp dụng hiệu quả để án phát triển sản xuất trong công tác SXKD dịch vụ với mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực sản xuất trong Tổng công ty và các đơn vị; đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác, nhà thầu trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai chế tạo sản xuất các sản phẩm mới, dịch vụ mới bền vững hơn với chi phí cạnh tranh và thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, không phụ thuộc vào chính sách bảo hộ sản phẩm, dịch vụ.

Tăng cường các giải pháp hợp tác, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, dịch vụ, kể cả các dịch vụ phụ trợ cho các nhà sản xuất lớn, hiện đại, có thương hiệu từ châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... (đại lý, bán hàng, chế tạo thử, hoàn thiện, bảo trì, sửa chữa, dịch vụ hậu mãi...).

Tập trung phát triển năng lực, tận dụng các thế mạnh của Tổng công ty như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm, lợi thế là thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam... để đảm nhận những công việc phức tạp, tinh, có giá trị chất xám cao, có tính hệ thống mà đối tác chưa đủ khả năng thực hiện. Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám trong các sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty.



RÀ SOÁT, ÁP DỤNG QUYẾT LIỆT TẤT CẢ GIẢI PHÁP KHẢ THI, PHÙ HỢP, CẮT GIẢM TỐI ĐA GIÁ THÀNH DỊCH VỤ, HÀNG HÓA, SẢN PHẨM CUNG CẤP BỞI TỔNG CÔNG TY, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG

Rà soát, làm việc với các đối tác, nhà thầu phụ, cắt giảm tối đa tất cả các cấu thành giá chưa cạnh tranh so với thị trường;

Rà soát, cơ cấu lại thời gian khấu hao tài sản trong giá dịch vụ, để giảm chi phí khấu hao, tuân thủ quy định hiện hành, giảm giá thành dịch vụ.

Rà soát danh mục tất cả chi phí của Tổng công ty, lập danh mục, kế hoạch cải tiến, mức độ cắt giảm với thời hạn và người phụ trách cụ thể, chi tiết.

Rà soát chi phí có tính chất lương, định biên, cơ cấu tổ chức, đánh giá chất lượng nhân sự đảm bảo chi phí tính chất lương cạnh tranh theo mức thị trường, tuân thủ quy định hiện hành, cơ cấu tổ chức phù hợp, tinh gọn, hiệu quả.

Liên tục cập nhật công nghệ, rà soát các hệ thống định mức, điều chỉnh sát thực tế với cơ chế khoán và cách thức thực hiện dự án theo đề án năng lực cạnh tranh, theo hướng tăng năng suất cao nhất, tự động hóa.

Phối hợp Công đoàn Tổng công ty liên tục tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể NLD về điều kiện, kết quả SXKD bị ảnh hưởng nghiêm trọng do giá dầu thấp và các yếu tố khác, kêu gọi sự đoàn kết và phối hợp cao của NLD đối với các giải pháp của Ban lãnh đạo Tổng công ty, đặc biệt liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÓ TRÌNH ĐỘ KỸ THUẬT CAO; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, SÁNG KIẾN, SÁNG CHẾ, CẢI TIẾN, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG SXKD ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ, NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG.

Tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo hướng đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng được các tiêu chuẩn khi làm việc với nhà thầu nước ngoài và có thể cạnh tranh với lao động khu vực.

Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam như: quản lý cấp cao, chuyên gia về O&M, chuyên gia về thiết kế, thuyền trưởng, máy trưởng...; tăng mức độ đãi ngộ hợp lý, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt, khuyến khích tăng năng suất, hiệu quả.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, NLD của Tổng công ty, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế và các kỹ năng làm việc quốc tế đáp ứng với yêu cầu phát triển của Tổng công ty. Xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nội bộ phù hợp trong suốt quá trình sử dụng lao động, tăng cường các khóa đào tạo chuyên sâu (thiết kế, kỹ thuật...), duy trì chế độ bồi dưỡng cho giảng viên nội bộ để khuyến khích, động viên, tạo môi trường văn hóa học tập trong Tổng công ty.

Áp dụng Quy chế Khoa học Công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến trong toàn Tổng công ty nhằm tạo cơ chế, hành lang khuyến khích đẩy mạnh các công tác liên quan, tương xứng xứng đáng cho NLD. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến, công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD để nâng cao năng suất lao động.



RÀ SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, ƯU TIÊN TẬP TRUNG NGUỒN LỰC CHO THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM THUỘC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH; BẮM SÁT DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG ĐỂ KỊP THỜI NẮM BẮT CƠ HỘI ĐẦU TƯ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ.

Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn chỉnh quy định, quy chế quản lý, phân cấp đầu tư trong nội bộ Tổng công ty, đảm bảo sát thực, tạo hành lang pháp lý chặt chẽ, hỗ trợ tối đa cho công tác đầu tư tại Tổng công ty PTSC.

Thực hiện phân loại và sắp xếp trật tự ưu tiên các dự án đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực chính của Tổng công ty, tuyệt đối không đầu tư các dự án tiềm ẩn rủi ro cao hoặc có hiệu quả kinh tế thấp hoặc chưa có phương án thu xếp vốn khả thi.

Tranh thủ phân loại và sắp xếp trật tự ưu tiên các dự án đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm, tập trung các hạng mục công việc theo quy định.

Tăng cường thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư nhằm đảm bảo các dự án đầu tư được kiểm tra chặt chẽ các thủ tục đầu tư theo các quy định hiện hành, đánh giá tính hiệu quả và khả thi trước khi thực hiện.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng các tài sản đã được đầu tư để tổng kết, rút kinh nghiệm cho các hoạt động đầu tư mới cũng như kịp thời phát hiện, khắc phục các tồn tại nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ VỐN HIỆU QUẢ VÀ LINH HOẠT

Đa dạng hóa công tác huy động vốn, sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong huy động và quản lý nguồn vốn huy động, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD.

Tổ chức quản lý chặt chẽ vốn góp đầu tư tại các công ty con, đơn vị và các liên doanh. Tăng cường giám sát đối với người đại diện vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để đảm bảo việc chấp hành các chính sách, chế độ tài chính kế toán tại các đơn vị.

Tăng cường công tác quản lý giá thành các sản phẩm dịch vụ, công tác kế toán quản trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh dịch vụ. Duy trì hệ số nợ một cách thích hợp để đảm bảo tính tự chủ, an toàn về tài chính.

Quản lý sử dụng dòng tiền hiệu quả; rà soát lại các khoản công nợ, đặc biệt là các khoản nợ phải thu lâu ngày đang chờ xử lý, thực hiện các thủ tục để tiến hành đánh giá, trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhằm bảo toàn vốn kinh doanh.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Phát triển SXKD gắn liền với việc thực hiện bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan”.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Lịch sử 25 năm xây dựng và phát triển bền vững, từ buổi ban đầu sơ khai PTSC gặp rất nhiều khó khăn với cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện còn thiếu thốn, sự cạnh tranh trong thị trường dịch vụ dầu khí ngày càng gay gắt, quyết liệt, PTSC đã từng bước phát triển, tạo nên thương hiệu đơn vị dịch vụ kỹ thuật có vị thế trong nước và khu vực. Kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa PTSC, trong suốt chặng đường đầy gian nan, thử thách để đi đến thành công ngày hôm nay, PTSC đã luôn kiên định với chiến lược phát triển dài hạn và bền vững: **“Phát triển SXKD gắn liền với việc thực hiện bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan”**.



PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị doanh nghiệp luôn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt trong tình hình môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn, biến động, việc quản trị tốt sẽ giúp cho doanh nghiệp đối phó được với các cơ hội và thách thức. Chính vì vậy, trong bối cảnh đầy khó khăn và cạnh tranh gay gắt như hiện nay và trong thời gian tới, để duy trì sự phát triển ổn định, bền vững, mang lại thịnh dư cho các bên liên quan, PTSC đã xây dựng, đầu tư phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến để tạo môi trường kinh doanh chuyên nghiệp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kỹ thuật, trong đó đẩy mạnh ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin hiện đại dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế trong việc xây dựng, hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến.

- Xây dựng áp dụng hệ thống phần mềm quản lý đa năng ERP: Hệ thống quản lý nhân sự, quản lý thông tin nhân sự, quản lý tài chính kế toán, quản lý thông tin công việc, quản lý vật tư, tài sản;
- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản trị quan hệ khách hàng (CRP);
- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản trị dây chuyền cung cấp (SCM);
- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro (COSO);
- Triển khai thực hiện để án năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu và thực hiện dự án, quyết liệt triển khai chương trình cải tiến;
- Nâng cấp, cải tiến hệ thống quy trình mua sắm vật tư, hàng hóa, quy trình thanh toán, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành công việc;
- Triển khai đồng bộ hệ thống Quản lý SKATMTCL hợp nhất trong toàn bộ hệ thống của PTSC theo các tiêu chuẩn quốc tế: OHSAS 18001:2007 (Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp), ISO 14001:2015 (Hệ thống quản lý môi trường) và ISO 9001:2015 (Hệ thống quản lý chất lượng). Hệ thống Quản lý SKATMTCL hợp nhất này đã được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận quốc tế (BSI - Viện tiêu chuẩn Anh quốc).

Ngoài ra, để nâng cao tính tuân thủ thực hiện quy định pháp luật về quản trị công ty, PTSC đã cụ thể hóa các quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp và phát triển bền vững:

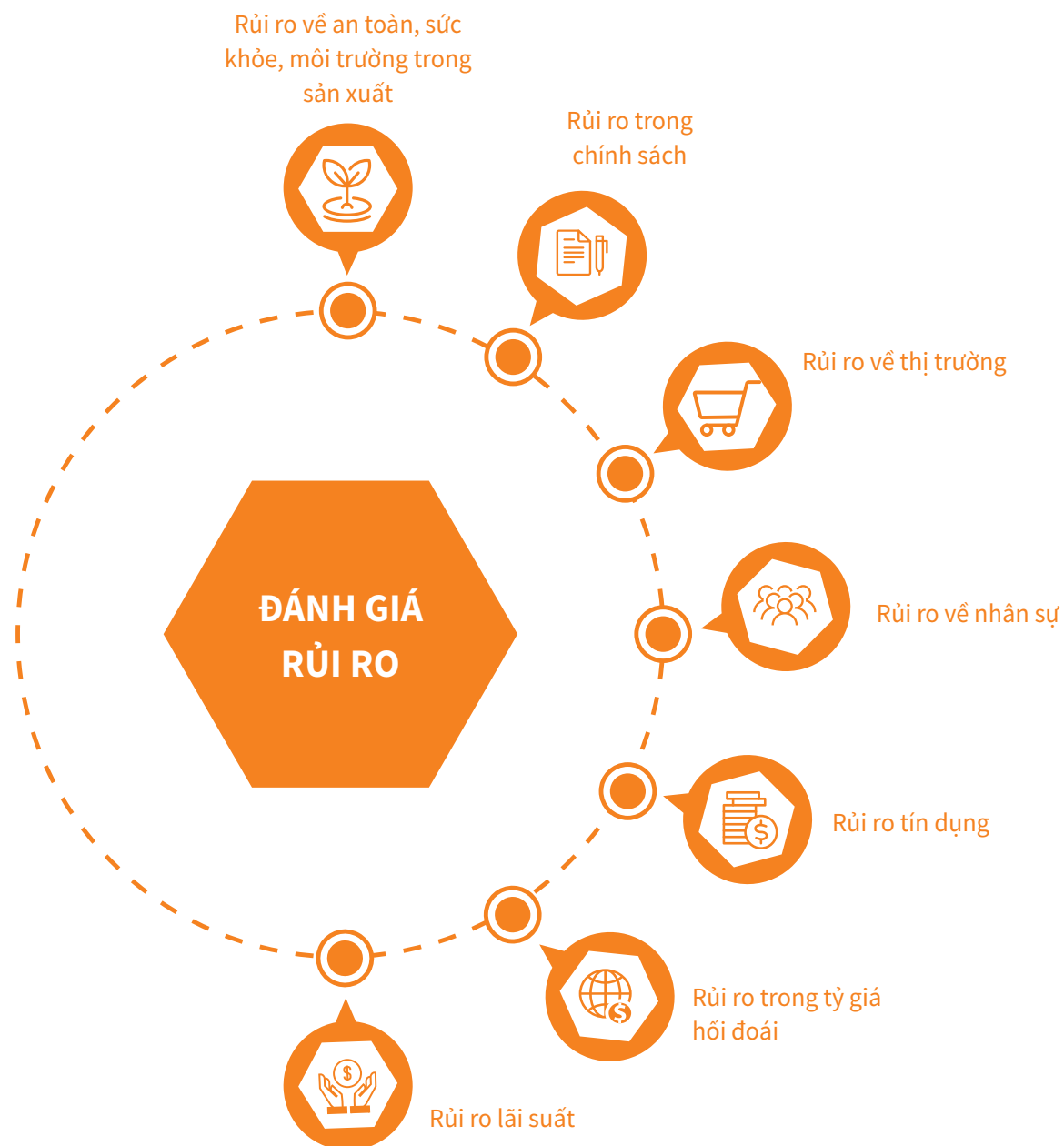
- Sửa đổi các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo hướng phân cấp và xác định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ của các bộ phận trong sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy;
- Xây dựng, cải tiến, áp dụng hệ thống quy chế khoa học công nghệ, sáng kiến sáng chế, cải tiến để phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ của NLD trong việc đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Triển khai thực hiện để án năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu và thực hiện dự án, quyết liệt triển khai chương trình cải tiến trong toàn Tổng công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



QUẢN TRỊ RỦI RO

Với đặc thù ngành nghề dịch vụ kỹ thuật dầu khí, các rủi ro luôn tiềm ẩn trong mọi hoạt động SXKD của PTSC. Xác định được tầm quan trọng của quản trị rủi ro, Ban điều hành PTSC luôn quan tâm, chú trọng công tác quản trị rủi ro nhằm thực hiện thành công các chiến lược, mục tiêu phát triển bền vững. Hiện nay PTSC đã nhận diện và quản lý các rủi ro đặc thù sau:



Rủi ro về an toàn, sức khỏe, môi trường trong sản xuất



Rủi ro trong chính sách



Xác định rủi ro	Biện pháp giảm thiểu rủi ro
<p>Các loại hình dịch vụ sản xuất trên biển của PTSC luôn tiềm ẩn rủi ro rất cao về an toàn trong sản xuất như xảy ra tai nạn lao động cho con người, sự cố cháy nổ công trình dầu khí, tai nạn hàng hải làm đắm va hoặc bị đắm các phương tiện nổi, sự cố tràn dầu... dẫn đến tổn hại nghiêm trọng về con người, tổn thất về tài sản và đặc biệt là sự cố đến mức thảm họa ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Đối với hoạt động sản xuất trên bờ tiêu biểu như dự án thi công đóng mới công trình dầu khí, thi công nhà máy nhiệt điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy chế biến khí, phân bón... với hàng nghìn người lao động cùng làm việc trên công trường đối mặt với rủi ro xảy ra sự cố cháy nổ, sập đổ công trình, tai nạn lao động, sự cố hư hỏng phương tiện thiết bị, mất an ninh an toàn công trường.</p> <p>- Trong các năm gần đây, thời tiết cực đoan trên Biển Đông với tần suất và mức độ phức tạp của bão, áp thấp nhiệt đới lại càng làm gia tăng rủi ro mất an toàn sản xuất trên biển và gần bờ.</p>	<p>Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; OHSAS 18001:2007) để xây dựng hệ thống tài liệu quản lý thống nhất và chuyên nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lực lượng lao động các cấp được đào tạo, huấn luyện đủ năng lực đáp ứng yêu cầu sản xuất. - Liên tục tuyên truyền, xây dựng văn hóa lao động an toàn, phòng ngừa tai nạn sự cố. - Kiểm tra, giám sát an toàn sản xuất và đánh giá cải tiến liên tục Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng. - Sử dụng các công cụ phần mềm quản lý để kiểm soát phương tiện, trang thiết bị máy móc sản xuất đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa năng suất. - Tuân thủ chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản, các hoạt động đầy đủ để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất trong quá trình sản xuất.
<p>Hàng loạt các bộ luật, luật đã được ban hành, điều chỉnh, thay đổi bổ sung bao trùm trên tất cả các lĩnh vực, trong đó các quy định của Luật Đấu thầu khi áp dụng trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí đặc thù đã không khuyến khích được phát triển sản xuất, dịch vụ đặc thù ngành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải tiến, cập nhật hệ thống các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty; - Tuyên truyền phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức; chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan, dự kiến có tác động đến hoạt động của Tổng công ty PTSC ngay từ giai đoạn dự thảo. - Tiếp tục kiến nghị về các cơ chế đặc thù ngành; chính sách ưu tiên, phát triển dịch vụ trong nước, ưu tiên phát triển dịch vụ ra nước ngoài; kiến nghị thiết lập các tiêu chí, hàng rào kỹ thuật, bảo hộ hợp lý để tạo sự bảo hộ cho doanh nghiệp dịch vụ trong nước.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



Rủi ro về thị trường

Xác định rủi ro	Biện pháp giảm thiểu rủi ro
<p>Các thỏa thuận quốc tế như WTO, AFTA, CPTPP, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)... dần có hiệu lực tạo môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt ở thị trường trong và ngoài nước.</p> <p>Biến động giảm của giá dầu mỏ có tác động rất nghiêm trọng và nặng nề tới ngành công nghiệp dầu khí, làm giảm sút cả về khối lượng công việc dịch vụ lẫn giá thực hiện.</p>	<p>PTSC đã hoàn thiện và áp dụng hiệu quả để án năng lực cạnh tranh, để án phát triển sản xuất trong công tác SXKD dịch vụ với mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực sản xuất trong Tổng công ty và các đơn vị; triển khai rà soát, áp dụng quyết liệt tất cả giải pháp khả thi, phù hợp, cắt giảm tối đa giá thành dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm cung cấp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả lợi nhuận.</p> <p>Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác, nhà thầu trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai chế tạo sản xuất các sản phẩm mới, dịch vụ mới bền vững hơn với chi phí cạnh tranh và thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, không phụ thuộc vào chính sách bảo hộ sản phẩm, dịch vụ.</p>



Rủi ro về nhân sự

<p>Hiện nay với 8.058 CBCNV làm việc trong toàn Tổng công ty, trải dài từ Bắc đến Nam, trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động đòi hỏi phải đáp ứng được yêu cầu công việc trong ngành kỹ thuật cao. Thực tế cho thấy, việc cạnh tranh trên thị trường lao động dịch vụ dầu khí chất lượng cao rất gay gắt, nên mối nguy "chảy máu chất xám" cũng là mối lo đối với PTSC.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Song song với việc phải liên tục nâng cao trình độ nhân sự, biến động về nhân sự luôn là vấn đề được đặc biệt quan tâm. - Tổng công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, bên cạnh đó xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động; chính sách phúc lợi, an sinh xã hội luôn được quan tâm và tạo điều kiện cho người lao động luôn được hưởng chế độ đãi ngộ cao nhất.
---	--



Rủi ro tín dụng

<p>Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Theo quy định của Nhà nước, các khoản nợ quá hạn trên 6 tháng sẽ phải trích lập dự phòng nợ quá hạn nên sẽ ảnh hưởng ngay đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm phát sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng công ty đã thực hiện chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi để đánh giá sự ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến khả năng tài chính của Tổng công ty. Hiện tại, các khoản phải thu của Tổng công ty đến từ một lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau, tại các địa phương khác nhau nhưng do luôn được quản trị rủi ro nên Tổng công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác. - Ngoài ra Tổng công ty luôn thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn theo đúng quy định của Nhà nước để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.
---	--



Rủi ro trong tỷ giá hối đoái

Xác định rủi ro	Biện pháp giảm thiểu rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động SXKD của Tổng công ty bao gồm nhiều giao dịch có gốc ngoại tệ nên những biến động về tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của PTSC, đặc biệt ảnh hưởng tới hiệu quả triển khai các dự án và trong công tác đầu tư ra nước ngoài. - Các tổ chức tín dụng không có nguồn ngoại tệ hoặc không có giấy phép cung cấp nguồn ngoại tệ mà Tổng công ty cần. - Khi thị trường ngoại tệ biến động mạnh, các tổ chức tín dụng không có nguồn ngoại tệ hợp pháp bán cho Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thanh toán và trả nợ. 	<p>Trong bối cảnh giá dầu thay đổi liên tục kéo theo những biến động về tỷ giá, rủi ro này luôn được Tổng công ty tính toán kỹ lưỡng và chủ động quản trị bằng các biện pháp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xin giấy phép nhận thanh toán trực tiếp ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ cho phù hợp; thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá. - Đàm phán và lựa chọn đồng tiền thanh toán là ngoại tệ thông dụng, có sẵn trên thị trường. Lựa chọn tổ chức tín dụng lành mạnh, có dự trữ ngoại hối tốt và đầy đủ các giấy phép theo quy định của pháp luật.



Rủi ro lãi suất

<ul style="list-style-type: none"> - Biến động của lãi suất có ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty. Đối với một số khoản vay dài hạn với lãi suất thả nổi được tính trên cơ sở lãi suất huy động của các tổ chức tín dụng và biên độ lãi suất cố định được thống nhất giữa Tổng công ty với các tổ chức tín dụng, một khi lãi suất huy động tăng sẽ dẫn đến lãi vay phải trả cho các khoản vay của Tổng công ty cũng tăng lên tương ứng và ngược lại. - Các rủi ro đối với các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ: chênh lệch tỷ giá; đồng tiền trả nợ khan hiếm; không cân đối được nguồn thu ngoại tệ để trả nợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng công ty đã quản trị rủi ro lãi suất bằng cách tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn quốc tế với chi phí vốn rẻ, thực hiện các nghiệp vụ phái sinh để cố định lãi suất. - Dự trữ và cân đối nguồn ngoại tệ trong nội bộ Tổng công ty ở mức hợp lý, đảm bảo khả năng thanh toán và trả nợ cùng hiệu quả sử dụng vốn. - Duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, chủ động định hướng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời điểm hoạt động SXKD của Tổng công ty.
---	---

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



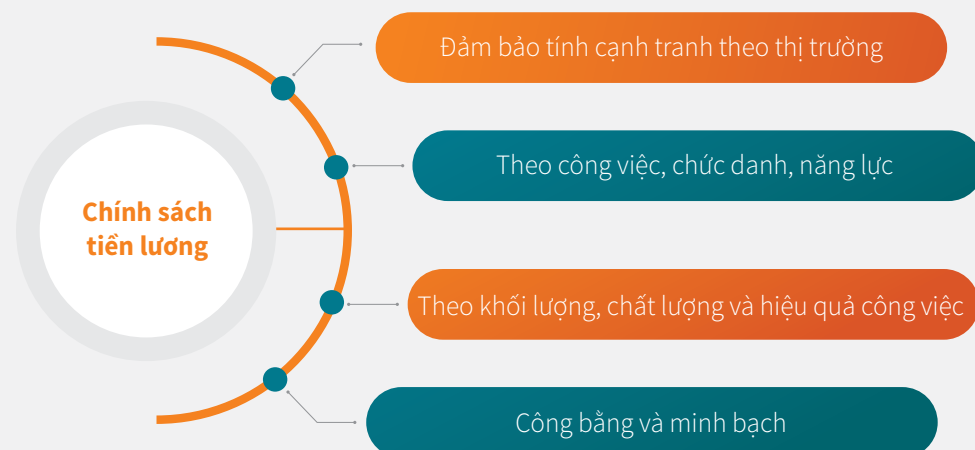
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Việc phát triển nguồn nhân lực cũng là một trong những vấn đề cốt lõi để thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững của PTSC. Sau chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển nhiều chông gai, thử thách, từ buổi ban đầu sơ khai đến nay PTSC đã có được cơ ngơi, tài sản đáng kể. Tuy nhiên, tài sản lớn nhất mà PTSC có được đó chính là đội ngũ nhân lực với 8.058 CBCNV có trình độ chuyên môn cao, tác phong chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo đang làm việc tại ngôi nhà chung PTSC. Đây là nguồn lực quý giá và là yếu tố cốt lõi trong phát triển bền vững.

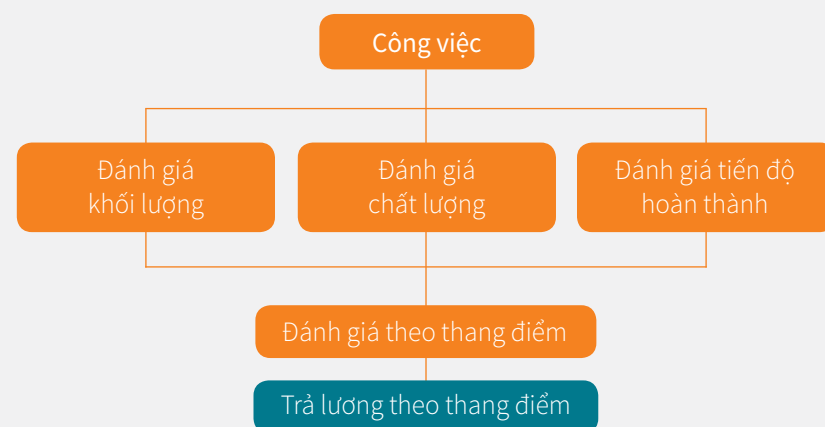
Trong bối cảnh khó khăn, thử thách hiện nay đối với Tập đoàn nói chung và PTSC nói riêng là rất lớn và khá phức tạp, Ban điều hành PTSC đã nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự nhằm duy trì, đảm bảo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mang lại lợi ích cao nhất có thể cho NLD, tạo động lực để NLD tiếp tục gắn bó, cống hiến lâu dài cho sự phát triển bền vững của PTSC.

Chính sách lương, phúc lợi

Chính sách lương: Để nâng cao tính cạnh tranh, duy trì, thu hút và phát triển nguồn nhân lực, PTSC đã xây dựng chính sách tiền lương dựa trên các tiêu chí:



Để quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành công việc dựa trên khối lượng, chất lượng công việc, tiến độ hoàn thành, hiệu quả công việc của mỗi cá nhân cũng như tạo động lực làm việc, thúc đẩy tăng năng suất, hiệu quả công việc của mỗi cá nhân, PTSC đã ban hành và áp dụng **Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc** để làm cơ sở trả lương cho NLD.



Năm 2017, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, Ban điều hành PTSC đã nỗ lực mang lại lợi ích cao nhất có thể cho NLD: Tiền lương bình quân năm 2017 của NLD là **15,95 triệu VNĐ/người/tháng**; Thu nhập bình quân của NLD là **18,38 triệu VNĐ/người/tháng**.

Chính sách phúc lợi: Bên cạnh chính sách tiền lương đảm bảo tính cạnh tranh và theo thị trường, chính sách phúc lợi cho NLD luôn được Tổng công ty quan tâm và tạo điều kiện cho NLD được hưởng các chế độ đãi ngộ cao nhất có thể, phù hợp với tình hình SXKD của Tổng công ty như:

Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe

- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước;
- Bảo hiểm sức khỏe chất lượng cao cho NLD;
- Bảo hiểm tai nạn;
- Bảo hiểm phúc lợi cho NLD (PVI Care) đồng thời được hỗ trợ gói bảo hiểm cho người thân;
- Khám sức khỏe định kỳ tối thiểu 1 năm/lần tại các trung tâm sức khỏe chất lượng, uy tín.

Chính sách phúc lợi khác

- NLD được trợ cấp nhân ngày thành lập PTSC, các ngày lễ, tết, các sự kiện; đồng phục, tiền ăn ca; tổ chức bữa ăn cho NLD trong đó xây dựng và tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm để NLD an tâm làm việc; bố trí nhà công vụ cho NLD khi tham gia dự án và đi công tác trong nước;
- NLD được tham gia chương trình tham quan, nghỉ mát phù hợp với kết quả SXKD ít nhất 1 năm/lần;
- NLD và con em của NLD được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp lễ, tết...

Chính sách đào tạo

PTSC dành sự quan tâm đến chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh với lao động trong khu vực và quốc tế, xây dựng và duy trì đội ngũ cán bộ, kỹ sư thiết kế công trình dầu khí, tàu chuyên dụng ngành dầu khí có trình độ cao và có thể làm chủ công nghệ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Tổng công ty đã xây dựng quy trình đào tạo, các quy định, chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho NLD được tham gia các khóa đào tạo nhằm đảm bảo việc đào tạo được thực hiện một cách khoa học, hệ thống, mang lại hiệu quả cao.

Năm 2017, Tổng công ty đã dành khoảng **26 tỷ VNĐ** cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:



Chương trình đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ, đại học; đào tạo chuyên sâu, quản lý; bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, ngoại ngữ; đào tạo nội bộ, nhập ngành dầu khí; tái đào tạo, đào tạo nâng bậc: 12 chương trình.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



CAM KẾT SỨC KHỎE - AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG (SKATMTCL)

Với đặc thù cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí và công trình công nghiệp, PTSC luôn đặt mục tiêu SKATMTCL lên hàng đầu, vì đây là một trong những yếu tố cần thiết ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín thương hiệu PTSC. Ngay từ ngày đầu mới thành lập, PTSC đã áp dụng mọi biện pháp, xây dựng hệ thống SKATMTCL để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường và các bên liên quan, đến nay PTSC đã xây dựng thành công hệ thống SKATMTCL xuyên suốt và đồng nhất.

Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng

Nằm trong chiến lược quản trị rủi ro doanh nghiệp, việc duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng (SKATMTCL) của PTSC là mối quan tâm hàng đầu của Ban điều hành PTSC để không ngừng nghỉ theo đuổi mục tiêu chung là: tạo ra môi trường làm việc an toàn, ngăn ngừa triệt để tai nạn thương tật, bệnh nghề nghiệp cho NLD và các bên liên quan; không gây tổn hại, ô nhiễm môi trường; không xảy ra sự cố tổn thất về tài sản và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu của luật định cũng như thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

Với sự cam kết mạnh mẽ của các cấp lãnh đạo PTSC, PTSC đã tổ chức bộ máy quản lý công tác SKATMTCL đầy đủ đến từng bộ phận, cung cấp các nguồn lực phù hợp để vận hành nghiêm túc nhằm tạo môi trường làm việc an toàn, thúc đẩy khuyến khích phát triển văn hóa an toàn lao động và kinh doanh, phát triển bền vững có trách nhiệm với môi trường. Năm 2017, với việc triển khai tốt công tác quản lý SKATMTCL, PTSC đã đạt được các thành tích tiêu biểu sau:

- Tổng số giờ làm việc an toàn cả năm 2017 của PTSC là 19,5 triệu giờ; trong năm không xảy ra vụ tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu, sự cố ô nhiễm môi trường.
- Công tác quản lý môi trường được đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, không có trường hợp bị cảnh cáo, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Hoàn thành thi công dự án các gói thầu thuộc Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn được khách hàng công nhận xuất sắc, đạt 14,6 triệu giờ an toàn.
- Hoàn thành thi công Dự án GPP Cà Mau đạt 2,9 triệu giờ an toàn và Dự án NH₃-NPK đạt cột mốc 4 triệu giờ an toàn.
- Ngày 25/9/2017, Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí được khách hàng Công ty Dầu khí Việt Nhật (JVPC) trao tặng chứng nhận đạt thành tích xuất sắc về an toàn trong 19 năm hoạt động liên tục.
- Ngày 01/12/2017, Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí được Nhà thầu dầu khí Công ty Rosneft Việt Nam trao tặng chứng nhận 15 năm vận hành an toàn.

Quản lý, sử dụng nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng và tài nguyên nước

Do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí nên nguồn nguyên vật liệu tham gia vào quá trình tạo ra các sản phẩm dịch vụ là không đáng kể, chủ yếu tập trung vào các loại nguyên vật liệu bán thành phẩm như sắt thép, các loại sơn phủ bề mặt, khí công

ngiệp... phục vụ cho hoạt động cơ khí dầu khí, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện trang thiết bị; về sử dụng năng lượng thì là các loại nhiên liệu xăng, dầu DO, điện năng... để vận hành các phương tiện, trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất.

Việc quản lý sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng được kiểm soát chặt chẽ thông qua Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng và hệ thống định mức kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn sản xuất, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn đầu vào sản xuất cũng như giảm thiểu phát thải tối đa ra môi trường. Đặc thù đối với hoạt động của đội tàu dịch vụ dầu khí có sử dụng nhiều nhiên liệu dầu DO, PTSC hiện đang áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng theo yêu cầu của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) và định kỳ được bên thứ ba kiểm tra, giám sát để cấp giấy chứng nhận phù hợp sử dụng hiệu quả năng lượng.

Đối với việc sử dụng nguồn nước trong hoạt động cung cấp dịch vụ, PTSC chủ yếu chỉ sử dụng nước từ nguồn nước thủy cục để phục vụ mục đích sinh hoạt cho CBCNV làm việc trên bờ và trên các tàu dịch vụ, phương tiện nổi làm việc trên biển. Tổng lượng nước sử dụng trung bình năm vào khoảng 575.000 m³/năm và việc sử dụng tiết kiệm nguồn nước được thông qua các chương trình quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 cũng như các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất. Tất cả các loại nước thải tại các cơ sở sản xuất trên bờ và ngoài khơi đều được kiểm soát, thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn và công ước quốc tế hiện hành trước khi được thải ra môi trường.



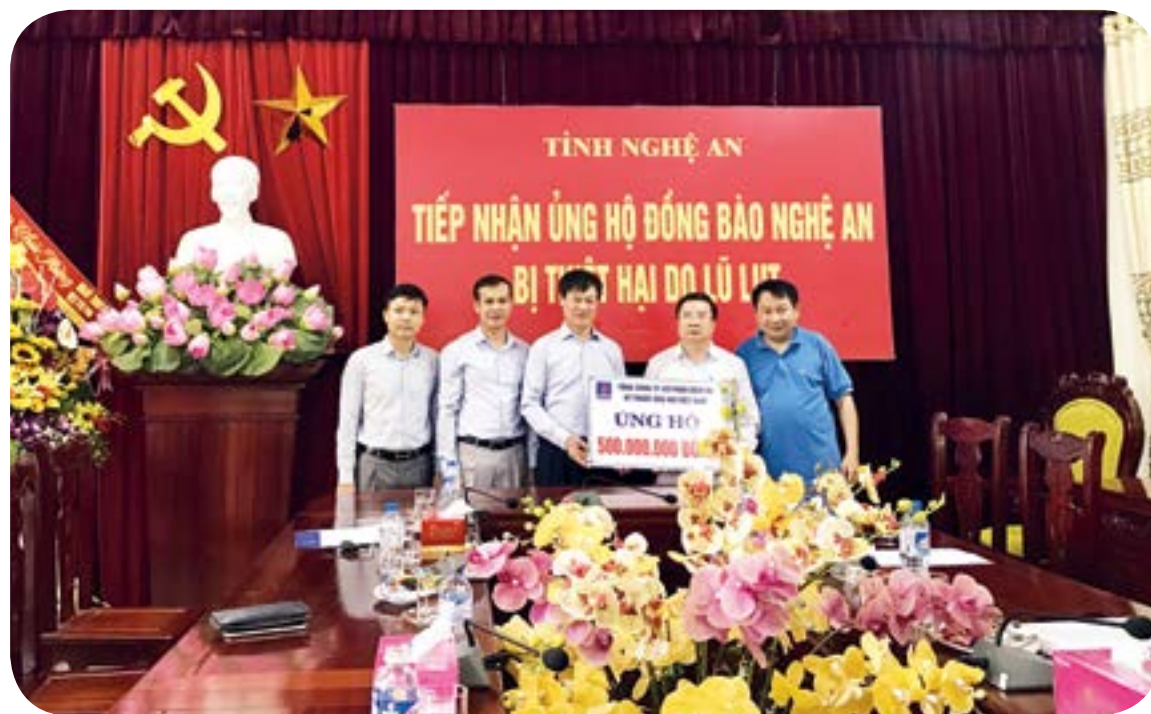
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển bền vững, PTSC đã từng bước đặt những viên gạch nền móng vững chắc để xây dựng thành công thương hiệu đơn vị dịch vụ kỹ thuật hàng đầu Việt Nam và có tầm cỡ trong khu vực. Song song với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, việc đẩy mạnh các hoạt động xã hội, cộng đồng luôn được coi là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của PTSC. Trong những năm qua, chúng tôi luôn tích cực tham gia các hoạt động thiết thực hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Các chương trình an sinh xã hội được PTSC triển khai sâu rộng từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, trực thuộc với các hoạt động xây dựng mái ấm tình thương; cứu trợ, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; ủng hộ các địa phương nghèo xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục đào tạo, y tế; thăm tặng quà trẻ em mồ côi, trại thương binh, gia đình liệt sỹ và nhiều hoạt động từ thiện khác với nỗ lực tích cực đóng góp cho cộng đồng, xã hội, năm 2015 PTSC vinh dự được Thủ tướng Chính phủ trao tặng danh hiệu **“Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội”**.

Năm 2017 mặc dù phải nỗ lực đối mặt và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để duy trì sự phát triển ổn định, bền vững, với trách nhiệm vì cộng đồng, PTSC tiếp tục duy trì tốt công tác an sinh xã hội với các hoạt động tiêu biểu như: hỗ trợ Quý học bổng “Thắp sáng niềm tin”; hỗ trợ xây dựng nhà bán trú học sinh Trường PTDT bán trú xã Khâu Vai, Mèo Vạc, Hà Giang; hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa giáo dục cộng đồng xã Diễn Đông, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng đã phát động NLD PTSC tích cực triển khai thực hiện nhiều hoạt động ASXH cụ thể, với tấm lòng đầy nhiệt huyết, phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Tổng giá trị ngân sách thực hiện cho công tác ASXH năm 2017 của Tổng công ty PTSC đạt **16 tỷ VNĐ**.



CHỨNG KHOÁN PVS



PVS - 10 năm niềm yết

Năm 2017 đánh dấu mốc thời gian 10 năm phiên giao dịch đầu tiên (20/9/2007) của mã chứng khoán PVS trên sàn giao dịch HNX. Trải qua bao thăng trầm cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, ngay cả thời điểm khó khăn nhất, PVS vẫn là mã chứng khoán được cộng đồng nhà đầu tư tin tưởng, xứng đáng danh hiệu BLUECHIP.

Đáp lại kỳ vọng, giá trị mà PVS đem đến đã chứng tỏ các nhà đầu tư hoàn toàn đúng đắn khi nắm giữ cổ phiếu này. Trong 10 năm qua, tổng tài sản của Tổng công ty đã tăng 5 lần, quy mô vốn điều lệ tăng 4 lần và PVS đã chi trả cổ tức gần 5 nghìn tỷ đồng cho cổ đông, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: nghìn VNĐ

STT	Năm	Ngày chốt danh sách	Vốn điều lệ	Tỷ lệ chi trả (%)	Tổng tiền chi trả
1	2007	14/03/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3	2008 (đợt 2)	25/06/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4	2009	12/05/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6	2011	25/05/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188
7	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8	2012 (đợt 2)	05/09/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9	2013	28/07/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10	2014	31/07/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11	2015	22/07/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13	2016 (đợt 2)	29/09/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14	2017 (dự kiến)		4.467.004.210	17%	759.390.715
14.1	Đã tạm ứng	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.2	Còn lại bằng tiền		4.467.004.210	5%	223.350.210
14.3	Cổ tức bằng cổ phiếu		4.467.004.210	7%	312.690.295
TỔNG CỘNG					4.953.682.865

Trong năm 2017, cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung cũng như sự thông tin hỗ trợ từ giá dầu thô phục hồi, cổ phiếu PVS thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư. Kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2017, thị giá cổ phiếu PVS đạt mức tăng 46,2% so với phiên giao dịch đầu năm, cao hơn 30% so với mức tăng điểm của chỉ số HNX30 (35,2%). Khối lượng giao dịch bình quân năm 2017 đạt 2,5 triệu cổ phiếu. Trong đó, phiên giao dịch có khối lượng khớp lệnh cao nhất trên 14 triệu đơn vị, chứng tỏ tính thanh khoản rất tốt của PVS năm qua.

BIỂU ĐỒ GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU PVS TỪ 01/01/2017 ĐẾN 31/12/2017



PVS - THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	446.700.421
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết	446.700.421
Cổ phiếu quỹ	0
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	11.078,17
Room NN còn lại (%)	31,60
EPS cơ bản (nghìn VNĐ)	1.79
P/E	13,56
Giá trị sổ sách/cp (nghìn VNĐ)	24,01
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2017 (nghìn VNĐ)	23,25
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2017 (nghìn VNĐ)	14,85

(Dữ liệu tại ngày 21/3/2018)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

“TĂNG CƯỜNG ĐỐI THOẠI, MINH BẠCH THÔNG TIN, BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI MỌI CỔ ĐÔNG”

Tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin, bảo vệ tối đa quyền lợi của các cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông để tạo nên mối quan hệ hai chiều hiệu quả giữa Tổng công ty với những bên có quyền lợi liên quan, góp phần xây dựng sự tin tưởng, ủng hộ của cổ đông, nhà đầu tư khi triển khai các chiến lược dài hạn, huy động vốn hiệu quả trên thị trường chứng khoán, từ đó giữ vững uy tín và phát triển giá trị doanh nghiệp mà PTSC luôn nỗ lực hướng tới trong nhiều năm qua.

Tăng cường đối thoại: Năm 2017, theo thông lệ tổ chức gặp gỡ các Nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty hằng quý, Tổng công ty đã hân hạnh được đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hàng đầu của Việt Nam và các công ty quản lý quỹ nước ngoài tại trụ sở Tổng công ty. Ngoài ra, PTSC thường xuyên giải đáp các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của các cổ đông, cung cấp thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình SXKD của Tổng công ty qua email, điện thoại...

Minh bạch thông tin: Hiểu rõ vai trò quan trọng của việc minh bạch thông tin trong việc tạo lập niềm tin đối với nhà đầu tư, cổ đông, Tổng công ty đã áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin như: sử dụng hệ thống công bố thông tin qua IDS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, CIMS của Sở giao dịch chứng khoán; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên website của Tổng công ty; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch. Đồng thời, Tổng công ty cũng kết hợp với các công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động Tổng công ty một cách chi tiết và rõ ràng nhất.

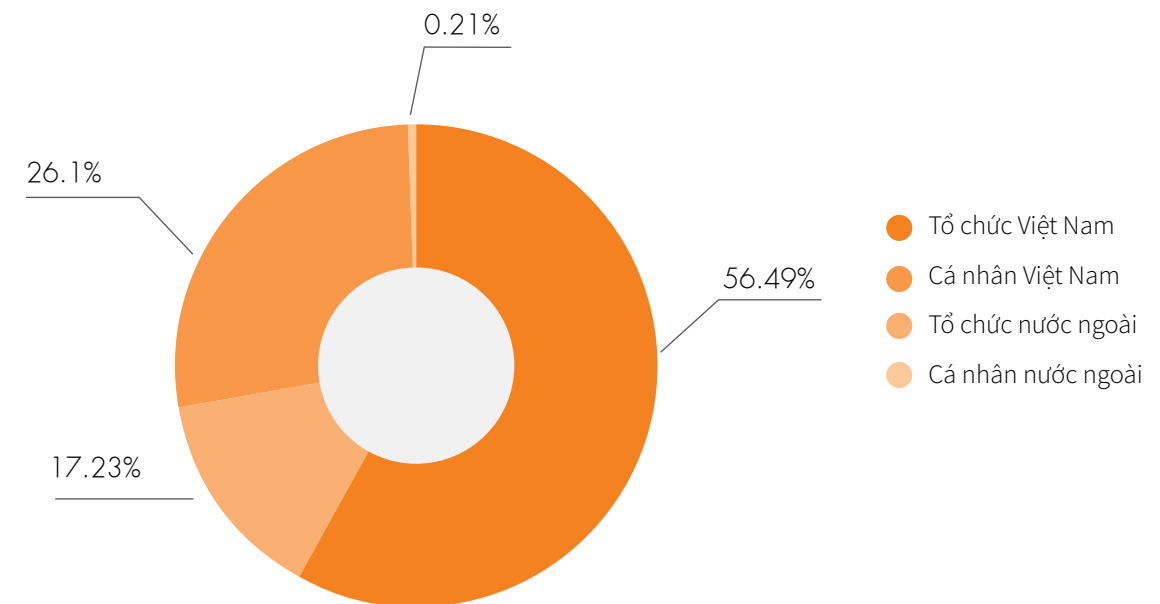
Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông: Để thực hiện đúng mục tiêu “Bảo vệ tối đa quyền lợi cổ đông, đối xử bình đẳng giữa cổ đông thiểu số - đa số, giữa cổ đông trong nước - nước ngoài, giữa cổ đông nội bộ - bên ngoài” của Tổng công ty, bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng công ty luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ cổ đông về việc thực hiện các quyền của cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động Tổng công ty, tham gia và biểu quyết tại Đại hội cổ đông, ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, hưởng lợi nhuận từ Tổng công ty...

CÁC SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG TRONG KỲ



CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	229.500.000	51,38%
2	Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam - đại diện cho các quỹ đầu tư có liên quan	26.220.922	5,87%
3	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	11.453.400	2,56%
4	Norges Bank	8.752.200	1,96%

(Dữ liệu ngày 23/3/2018)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU HIỆN TẠI	CÁC GIAO DỊCH ĐÃ THỰC HIỆN TRONG KỲ		GHI CHÚ
				BÁN	MUA	
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	357.233	-	-	
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/TGD	45.375	-	-	
3	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	1.295	-	-	
4	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT/PTGD	40.000	-	-	
5	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT	10.680	-	-	
6	Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	-	-	Nghỉ hưu từ ngày 28/4/2017
7	Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban KS	87	-	-	
8	Bùi Thu Hà	Thành viên BKS	-	-	-	
9	Triệu Văn Nghị	Thành viên BKS	172	-	-	
10	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD	3.546	-	-	
11	Lê Mạnh Cường	Phó TGD	51.799	-	-	
12	Nguyễn Hữu Hải	Phó TGD	51,069	-	-	
13	Tạ Đức Tiến	Phó TGD	1.530	-	-	
14	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	18	-	-	
15	Nguyễn Quang Chánh	Phó Ban TCKT - Phụ trách Ban TCKT	-	-	-	
16	Nguyễn Đức Thủy	Người công bố thông tin	-	-	-	

(Dữ liệu ngày 23/3/2018)

LỊCH SỬ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PTSC

NĂM	TỶ LỆ CHI TRẢ	SỐ LƯỢNG PHÁT HÀNH (cổ phần)	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000.000.000.000
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	73.803.431	1.738.034.310.000
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988.034.310.000
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	98.998.663	2.978.020.940.000
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	148.898.327	4.467.004.210.000





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PROFIT 5324.22

GROWTH 75%



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	115
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	117
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	119
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	123
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	124
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	126

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGD Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban TGD Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 646/VN1A-HC-BC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2018, từ trang 03 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Tứ
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0488-2018-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
 Ngày 17 tháng 3 năm 2018
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thế
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2649-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.564.206.894.471	15.151.148.411.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.761.373.378.462	5.883.669.671.740
1. Tiền	111		2.036.380.214.900	2.646.758.096.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.724.993.163.562	3.236.911.574.941
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.524.756.875.000	911.017.446.191
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.524.756.875.000	911.017.446.191
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.401.768.277.274	6.125.027.352.428
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.295.915.893.805	4.766.279.842.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		561.608.913.743	346.760.133.285
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	362.260.953.603	438.107.372.763
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.384.501.359.353	667.479.061.085
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,8	(202.518.843.230)	(93.599.057.666)
IV. Hàng tồn kho	140	9	437.860.888.239	1.650.744.923.057
1. Hàng tồn kho	141		442.821.074.750	1.655.953.765.876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.960.186.511)	(5.208.842.819)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		438.447.475.496	580.689.018.555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	31.440.444.113	24.369.143.651
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		339.453.785.708	505.596.222.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	67.553.245.675	50.723.652.865
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.307.844.708.563	10.389.961.414.802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.130.038.475	67.193.882.648
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		9.465.750.000	45.043.576.977

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
2. Phải thu dài hạn khác	216		25.664.288.475	22.150.305.671
II. Tài sản cố định	220		3.679.088.134.917	4.150.439.107.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.655.557.170.080	4.133.766.907.309
- Nguyên giá	222		12.072.864.595.140	11.927.166.182.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.417.307.425.060)	(7.793.399.275.001)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	23.530.964.837	16.672.200.128
- Nguyên giá	228		98.931.250.958	76.843.823.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.400.286.121)	(60.171.623.347)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	192.806.592.051	197.541.863.907
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(36.474.194.403)	(31.738.922.547)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		231.941.620.006	498.672.582.913
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.025.227.149	370.485.940.489
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	162.916.392.857	128.186.642.424
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.929.897.711.573	4.733.712.583.228
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	4.904.546.552.574	4.707.276.291.641
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	51.030.000.000	51.030.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(25.678.841.001)	(24.593.708.413)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.238.980.611.541	742.401.394.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	690.580.624.245	697.468.980.357
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	25	513.884.713.229	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		34.515.274.067	44.932.414.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		23.872.051.603.034	25.541.109.826.773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.791.288.218.850	13.788.657.616.607
I. Nợ ngắn hạn	310		7.360.292.711.684	9.743.162.837.038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.090.358.921.160	4.051.838.898.443
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		297.786.634.990	1.431.502.690.033
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	198.702.815.094	128.092.850.261
4. Phải trả người lao động	314		473.138.384.477	385.076.069.091
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.958.931.723.281	2.063.212.809.649
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	7	6.502.704.300	238.298.386.212
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	59.084.393.412	20.721.879.131
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	722.019.687.978	625.935.472.506
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	254.715.582.472	432.147.165.556
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		28.083.531.198	62.820.128.025
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		270.968.333.322	303.516.488.131
II. Nợ dài hạn	330		4.430.995.507.166	4.045.494.779.569
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	23	1.030.026.975.045	801.016.151.506
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24	327.592.453.766	211.887.162.632
3. Phải trả dài hạn khác	337		203.885.885	204.067.385
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	900.700.787.441	1.143.508.611.250
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25	641.272.845.434	471.285.000.292
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	1.468.056.576.601	1.355.709.901.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		63.141.982.994	61.883.884.794
D. NGUỒN VỐN	400		12.080.763.384.184	11.752.452.210.166
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	12.080.763.384.184	11.752.452.210.166
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.617.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.728.613.621.181	2.626.119.682.700
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.509.498.025.960	3.188.956.067.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.726.076.743.513	2.390.099.035.058
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		783.421.282.447	798.857.032.917
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	1.336.030.467.043	1.430.755.189.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		23.872.051.603.034	25.541.109.826.773

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu

Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 02-DN/HN

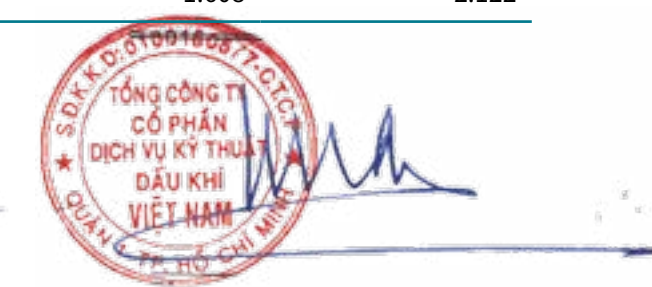
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	16.812.150.000.936	18.682.080.522.528
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		16.812.150.000.936	18.682.080.522.528
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	16.003.595.338.603	17.899.327.840.481
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		808.554.662.333	782.752.682.047
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	294.746.458.330	306.321.814.062
6. Chi phí tài chính	22	35	84.486.538.689	159.594.948.095
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.945.717.026	55.841.878.387
7. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	36	461.167.360.933	667.105.854.738
8. Chi phí bán hàng	25	37	85.211.075.906	91.959.953.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	717.582.657.884	540.231.230.547
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		677.188.209.117	964.394.219.023
11. Thu nhập khác	31	38	5.261.040.506.651	304.151.849.725
12. Chi phí khác	32	38	4.933.195.912.551	12.410.057.984
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	38	327.844.594.100	291.741.791.741
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.005.032.803.217	1.256.136.010.764
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	567.388.377.543	157.989.589.078
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(343.896.868.087)	188.401.979.265
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		781.541.293.761	909.744.442.421
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		800.457.943.709	1.038.743.379.556
19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	29	(18.916.649.948)	(128.998.937.135)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	1.608	2.122

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu

Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.005.032.803.217	1.256.136.010.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	685.411.166.715	870.764.893.967
Các khoản dự phòng	03	187.366.339.908	(7.656.739.975)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(20.781.135.431)	39.733.506.386
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(704.390.992.159)	(897.868.661.163)
Chi phí lãi vay	06	37.945.717.026	55.841.878.387
Các khoản điều chỉnh khác	07	1.258.098.200	13.872.506.976
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.191.841.997.476	1.330.823.395.342
Thay đổi các khoản phải thu	09	442.281.930.698	(609.823.896.516)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.525.010.544.711	(455.860.052.985)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.290.606.648.765)	56.367.184.831
Thay đổi chi phí trả trước	12	(182.944.350)	47.560.664.105
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.496.421.164)	(62.003.800.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(629.683.690.567)	(206.556.951.661)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	403.068.550
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(209.298.039.601)	(177.196.561.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	984.866.728.438	(76.286.949.433)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(435.786.527.826)	(447.570.715.035)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.964.496.959	1.037.212.560
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.782.127.886.555)	(1.245.394.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.191.388.457.746	918.029.044.621
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	559.595.730.842	217.921.395.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(457.965.728.834)	(550.977.062.249)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN/HN

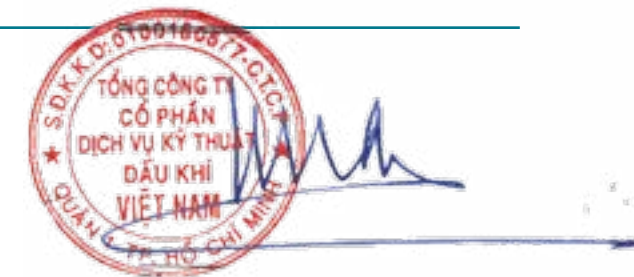
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	62.709.895.833	59.165.312.670
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(429.712.118.789)	(735.067.925.898)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(284.048.032.012)	(808.800.203.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(651.050.254.968)	(1.484.702.817.128)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(124.149.255.364)	(2.111.966.828.810)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.883.669.671.740	7.991.387.356.724
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.852.962.086	4.249.143.826
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.761.373.378.462	5.883.669.671.740

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu

Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”, Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn”) là cổ đông chính và là Công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.079 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.976 người).

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ căn cứ cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; Quản lý kinh doanh, sở hữu, vận hành khai thác các tàu chứa dầu thô (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm (bằng thiết bị ROV) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Sản xuất mua bán các sản phẩm dầu khí, phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện quan trọng của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty Điều hành chung Lam Sơn (“Lam Sơn JOC”) bên thuê tàu FPSO Lam Sơn đã gửi thư số 86-17 LS/GM thông báo về việc thực hiện quyền chọn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và ngày chấm dứt hợp đồng là ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trên cơ sở yêu cầu chấm dứt hợp đồng với Lam Sơn JOC, Tổng công ty cũng gửi thư yêu cầu chấm dứt hợp đồng cùng thời điểm vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 với hợp đồng thuê tàu trần FPSO Lam Sơn giữa Tổng công ty và Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific và hợp đồng vận hành, bảo dưỡng tàu FPSO (O&M) giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày báo cáo này, tàu FPSO Lam Sơn vẫn được Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) sử dụng cho việc khai thác dầu khí tại Lô dầu khí 01/97 và 02/97.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các chi nhánh, Công ty con, Công ty liên kết và liên doanh của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Các chi nhánh:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các Công ty con/Công ty liên kết của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ bảo vệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan	Malaysia	100,00	100,00	Dịch vụ tàu dầu khí
Công ty liên kết, liên doanh				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	21,46	21,46	Dịch vụ căn cứ cảng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào Công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn vào Công ty liên doanh

Các khoản góp vốn vào Công ty liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các

khoản góp vốn vào Công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của Công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào Công ty liên doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá

hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản khác	04 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Khoản trả trước tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê của lô đất. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất.

Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ tháng 10 năm 2010 với thời hạn 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng.

Tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê cảng còn lại là 42 năm bắt đầu từ tháng 12 năm 2015.

Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê đất là 40 năm.

Các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 6 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần

khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	8.252.264.188	7.238.713.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.027.565.396.662	2.639.386.081.536
Tiền đang chuyển	562.554.050	133.301.541
Các khoản tương đương tiền	3.724.993.163.562	3.236.911.574.941
	5.761.373.378.462	5.883.669.671.740

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,4%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dài hơn 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 5,1%/năm đến 6,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	291.898.260.249	40.973.824.781
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	276.529.217.437	183.869.463.677
Talisman Vietnam	255.627.604.340	174.444.160
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	212.904.691.327	349.773.514.217
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	189.420.865.257	477.128.220.848
Công ty Điều hành Dầu khí Cửu Long	161.944.180.208	709.819.148.346
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	132.409.225.586	121.244.498.956
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Ltd	98.515.072.306	29.214.753.502
Công ty TNHH Lọc - Hóa dầu Nghi Sơn	90.627.272.060	201.346.548
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	88.438.324.234	68.408.754.290
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	84.890.425.869	172.978.117.164
Tổng công ty Khí Việt Nam	79.049.994.782	291.425.001.609
Khác	1.333.660.760.150	2.321.068.754.863
	3.295.915.893.805	4.766.279.842.961

Các số dư phải thu trọng yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 43.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự phòng theo tuổi nợ như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Dưới 6 tháng	2.934.870.925.034	-	4.527.748.755.718	-
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	56.822.768.080	17.046.830.431	150.400.676.535	45.120.202.960
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	157.255.613.536	78.627.806.768	79.340.522.486	39.670.261.243
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	139.406.366.722	97.584.456.706	3.025.547.401	2.117.883.181
Từ 3 năm trở lên	7.560.220.433	7.560.220.433	5.764.340.821	5.764.340.821
	3.295.915.893.805	200.819.314.338	4.766.279.842.961	92.672.688.205

7. PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	362.260.953.603	438.107.372.763
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(6.502.704.300)	(238.298.386.212)
	355.758.249.303	199.808.986.551
Chi tiết như sau:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	2.977.237.420.630	1.526.279.421.270
Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(2.621.479.171.327)	(1.326.470.434.719)
	355.758.249.303	199.808.986.551

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty đang thực hiện các hợp đồng xây dựng đối với các dự án: Dự án xây dựng Nhà máy NPK, Dự án nâng công suất Phân xưởng NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau, GPP Dinh Cố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (i)	365.897.059.719	329.077.036
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (ii)	333.861.713.153	206.879.316.776
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	133.845.792.765	59.514.542.073
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (iv)	97.045.082.145	2.943.698.601
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (v)	81.594.000.000	-
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (v)	72.006.705.000	44.531.200.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	32.839.087.830	25.931.332.538
Tổ hợp nhà thầu JGCS	2.400.000.000	86.542.209.070
Công ty Cổ phần PVI	37.992.818.205	30.970.354.115
Phải thu khác	227.019.100.536	209.837.330.876
	1.384.501.359.353	667.479.061.085

(I) Khoản phải thu từ Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí chủ yếu là khoản phải thu từ trích trước doanh thu tạm tính liên quan đến dịch vụ cho thuê tàu trần và dịch vụ vận hành, bảo dưỡng tàu FPSO Lam Sơn đã cung cấp để phục vụ việc khai thác dầu khí tại Lô dầu khí 01/97 và 02/97 của tàu FPSO Lam Sơn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 sau khi chấm dứt hợp đồng thuê tàu với Lam Sơn JOC như đã nêu ở Thuyết minh số 1.

(II) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 là khoản phải thu từ doanh thu trích trước tương ứng với phần công việc đã hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1.

(III) Khoản phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước của các dịch vụ đã cung cấp thuộc Dự án PVN15 và một số khoản phải thu khác.

(IV) Khoản phải thu từ Công ty Điều hành chung Lam Sơn là khoản phải thu liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu theo quy định của hợp đồng.

(V) Khoản phải thu từ Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") và Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là khoản phải thu về lợi nhuận được chia cho Tổng công ty được nhận theo Thông báo phân chia lợi nhuận của MVOT và VOFT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Chi tiết các khoản dự phòng theo tuổi nợ như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Dưới 6 tháng	1.381.393.025.149	-	665.612.826.393	-
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	574.642.040	172.392.620	605.312.572	181.593.772
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.582.766.953	791.383.476	729.848.976	364.924.488
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	717.241.382	502.068.967	504.073.144	352.851.201
Từ 3 năm trở lên	233.683.829	233.683.829	27.000.000	27.000.000
	1.384.501.359.353	1.699.528.892	667.479.061.085	926.369.461

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	1.482.029.228	-	1.445.317.815	-
Nguyên liệu, vật liệu	114.833.659.777	(4.960.186.511)	87.207.081.315	(5.208.842.819)
Công cụ, dụng cụ	34.552.065.473	-	25.911.872.334	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	285.126.584.399	-	1.539.522.556.112	-
Hàng hóa	6.826.735.873	-	1.253.234.720	-
Hàng gửi bán	-	-	613.703.580	-
	442.821.074.750	(4.960.186.511)	1.655.953.765.876	(5.208.842.819)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	50.647.975.823	50.647.975.823	-	-
Dự án GPP Dinh Cố	38.720.161.082	38.720.161.082	-	-
Greater Enfield Subsea	30.175.398.566	30.175.398.566	-	-
Dự án Cá Rồng Đò	26.554.286.270	26.554.286.270	884.397.711	884.397.711
Dự án Sư Tử Trắng Full Field	-	-	1.309.513.731.020	1.309.513.731.020
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói SMP9	-	-	77.498.206.903	77.498.206.903
Dự án phân phối khí thấp áp	19.431.422.482	19.431.422.482	42.930.280.702	42.930.280.702
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	10.782.111.479	10.782.111.479	10.623.728.307	10.623.728.307
Khác	108.815.228.697	108.815.228.697	98.072.211.469	98.072.211.469
	285.126.584.399	285.126.584.399	1.539.522.556.112	1.539.522.556.112

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị tàu Bình Minh 02 và tàu CGG Amadues	8.740.079.090	4.557.043.774
Chi phí trả trước khác	22.700.365.023	19.812.099.877
	31.440.444.113	24.369.143.651
b. Dài hạn		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	299.690.039.427	304.399.782.199
Thuê đất tại Khu công nghiệp Đình Vũ	113.054.049.359	116.908.164.683
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	100.066.579.447	102.554.699.731
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	177.769.956.012	173.606.333.744
	690.580.624.245	697.468.980.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 31/12/2016	3.324.515.722.991	1.850.697.119.953	6.572.841.349.199	145.820.494.737	33.291.495.430	11.927.166.182.310
Mua sắm trong năm	12.574.836.628	88.006.300.317	19.082.175.782	23.175.997.035	7.284.504.615	150.123.814.377
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	28.439.658.901	10.477.171.275	-	-	-	38.916.830.176
Tăng khác	-	74.280.280	-	38.598.750	-	112.879.030
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.013.665.228)	(36.501.721.592)	-	-	(38.515.386.820)
Giảm khác	(4.209.789.358)	-	(116.389.030)	(613.545.545)	-	(4.939.723.933)
Số dư tại 31/12/2017	3.361.320.429.162	1.947.241.206.597	6.555.305.414.359	168.421.544.977	40.576.000.045	12.072.864.595.140
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 31/12/2016	1.839.991.025.575	1.127.295.477.693	4.694.137.656.663	115.179.753.263	16.795.361.807	7.793.399.275.001
Khấu hao trong năm	138.335.587.100	151.673.810.876	350.931.309.160	20.154.260.323	4.352.264.626	665.447.232.085
Tăng khác	-	-	-	42.108.750	-	42.108.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.955.455.258)	(36.356.003.106)	(583.470.201)	-	(38.894.928.565)
Giảm khác	(2.644.153.461)	(42.108.750)	-	-	-	(2.686.262.211)
Số dư tại 31/12/2017	1.975.682.459.214	1.276.971.724.561	5.008.712.962.717	134.792.652.135	21.147.626.433	8.417.307.425.060
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 31/12/2016	1.484.524.697.416	723.401.642.260	1.878.703.692.536	30.640.741.474	16.496.133.623	4.133.766.907.309
Số dư tại 31/12/2017	1.385.637.969.948	670.269.482.036	1.546.592.451.642	33.628.892.842	19.428.373.612	3.655.557.170.080

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.325.825 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.414.332 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.307.482 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.580.222 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2016	1.310.220.000	74.548.740.675	984.862.800	76.843.823.475
Mua trong năm	-	20.760.155.483	1.327.272.000	22.087.427.483
Phân loại lại	-	472.873.086	(472.873.086)	-
Số dư tại 31/12/2017	1.310.220.000	95.781.769.244	1.839.261.714	98.931.250.958
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 31/12/2016	-	59.488.623.419	682.999.928	60.171.623.347
Khấu hao trong năm	-	14.616.724.108	611.938.666	15.228.662.774
Phân loại lại	-	237.010.214	(237.010.214)	-
Số dư tại 31/12/2017	-	74.342.357.741	1.057.928.380	75.400.286.121
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 31/12/2016	1.310.220.000	15.060.117.256	301.862.872	16.672.200.128
Số dư tại 31/12/2017	1.310.220.000	21.439.411.503	781.333.334	23.530.964.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Cơ sở hạ tầng	
	VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 31/12/2016 và 31/12/2017	229.280.786.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 31/12/2016	31.738.922.547
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Số dư tại 31/12/2017	36.474.194.403
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư tại 31/12/2016	197.541.863.907
Số dư tại 31/12/2017	192.806.592.051
Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng công ty như sau:	
	31/12/2017
	VNĐ
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của Dự án Sao Mai - Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của Dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Doanh thu và chi phí phát sinh từ việc cho thuê bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 5.203.799.784 đồng và 4.735.271.856 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	82.986.651.083	65.068.947.896
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu cảng Đình Vũ	43.119.201.315	6.003.592.042
Văn phòng làm việc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	12.029.200.566	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	24.781.339.893	57.114.102.486
	162.916.392.857	128.186.642.424

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.479.809.740.787	2.479.809.740.787
Phần kết quả thuần từ các Công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	2.227.466.550.854	1.686.683.896.116
Lợi nhuận trong năm	461.167.360.933	667.105.854.738
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(263.897.100.000)	(126.323.200.000)
	4.904.546.552.574	4.707.276.291.641

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (iii)	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (vi)	Việt Nam	21,46	21,46	Dịch vụ căn cứ cảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(I) Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO “Orkid” sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lẩn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO “Orkid” đã đi vào hoạt động từ năm 2009.

(II) Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO “Ruby II” phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi “FPSO Ruby II” đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

(III) Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 594.897.870.000 đồng. Trong đó, vốn góp của Tổng công ty là 171.056.430.000 đồng, chiếm 28,75% vốn điều lệ.

(IV) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited (gọi tắt là “PTSC SEA”) là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holding Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ, chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO “PTSC Biển Đông 01”. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011 và đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

(V) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited (gọi tắt là “PTSC AP”) là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHDT-DTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho chứa nổi, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (“Lam Sơn JOC”) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ, chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.

(VI) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (gọi tắt là “Cảng Thị Vải”) là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Công ty con, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo quy định về cách tính tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với các khoản đầu tư của công ty con, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	698.454.123	2.301.545.877	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	37.500.000.000	14.450.386.878	23.049.613.122	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.530.000.000	10.530.000.000	-	10.530.000.000
	51.030.000.000	25.678.841.001	25.351.158.999	51.030.000.000
				24.593.708.413
				26.436.291.587

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Số tiền
	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	23.737.341.680
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	7.256.366.733
Hoàn nhập dự phòng	(1.400.000.000)
Sử dụng dự phòng để bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	24.593.708.413
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.085.132.588
Số dư tại ngày 31/12/2017	25.678.841.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình thủy	208.646.819.147	208.646.819.147	337.619.339.653	337.619.339.653
Công ty Sapura Kencana TL Offshore SDN BHD	168.719.871.395	168.719.871.395	242.109.710.855	242.109.710.855
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	143.435.112.738	143.435.112.738	26.589.540.104	26.589.540.104
Heerema Marine Contractors Nederland SE	113.675.000.000	113.675.000.000	-	-
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	100.440.358.115	100.440.358.115	287.344.889.040	287.344.889.040
Công ty CGG Services SA	78.956.740.031	78.956.740.031	112.836.799.432	112.836.799.432
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	8.426.571.900	8.426.571.900	94.429.555.668	94.429.555.668
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	2.212.431.744	2.212.431.744	423.650.464.009	423.650.464.009
Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited	53.048.094.313	53.048.094.313	134.469.045.326	134.469.045.326
Phải trả ngắn hạn khác	2.212.797.921.777	2.212.797.921.777	2.392.789.554.356	2.392.789.554.356
	3.090.358.921.160	3.090.358.921.160	4.051.838.898.443	4.051.838.898.443

Các số dư phải trả trọng yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 43

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	12.482.666.073	7.860.062.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.812.674.848	61.558.178.834
Thuế thu nhập cá nhân	9.681.182.601	20.378.121.072
Các loại thuế khác	153.726.291.572	38.296.487.858
	198.702.815.094	128.092.850.261

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2016	Số phải nộp/ điều chỉnh trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.777.540.680	132.011.110.596	127.310.500.073	12.478.151.203
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	54.264.460.433	54.264.460.433	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.458.979.982	10.458.979.982	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.565.440.914	567.388.377.543	629.683.690.567	(51.729.872.110)
Thuế thu nhập cá nhân	20.364.188.222	122.674.018.192	133.581.021.666	9.457.184.748
Thuế tài nguyên	-	63.582.660	62.075.586	1.507.074
Thuế nhà đất	-	2.894.810.608	2.894.810.608	-
Thuế môn bài	-	44.000.000	44.000.000	-
Các loại thuế khác	38.662.027.580	374.361.664.361	252.081.093.437	160.942.598.504
Các khoản khác	-	73.621	73.621	-
	77.369.197.396	1.264.161.077.996	1.210.380.705.973	131.149.569.419

Trong đó

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	50.723.652.865	67.553.245.675
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	128.092.850.261	198.702.815.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	254.715.582.472	432.147.165.556
Trong năm thứ hai	256.828.461.609	781.851.494.483
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	606.196.144.465	282.338.452.846
Trên năm năm	37.676.181.367	79.318.663.921
	1.155.416.369.913	1.575.655.776.806
Trừ: số vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng được trình bày tại Thuyết minh số 21	(254.715.582.472)	(432.147.165.556)
Số phải trả sau 12 tháng	900.700.787.441	1.143.508.611.250

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN

Người mua trả tiền trước dài hạn thể hiện chủ yếu là khoản ứng trước từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 với số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.024.347.199.005 đồng (số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 791.695.089.681 đồng) và một số khoản khác.

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu thể hiện:

- Khoản thanh toán trước từ Công ty TNHH Lọc - Hóa dầu Nghi Sơn theo Hợp đồng số 037/2016/NSRP.OPE-PTSC ngày 07 tháng 10 năm 2016 về việc đóng mới tàu, sử dụng tàu và dịch vụ hàng hải. Theo quy định của hợp đồng, Công ty TNHH Lọc - Hóa dầu Nghi Sơn sẽ trả trước cho Tổng công ty một khoản tiền thuê tàu trong thời gian 5 năm là 190 tỷ đồng và số tiền trả trước này sẽ được trừ dần vào tiền cung cấp tàu hàng tháng trong thời gian 5 năm;
- Khoản thanh toán trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất trên diện tích đất 39,8 ha và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu với số tiền lần lượt là 143 tỷ đồng và 107 tỷ đồng. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hằng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.

25. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	(10.553.754.518)	(9.911.630.149)	265.459.955	-	26.508.626.632	(289.191.722.947)	(282.883.021.027)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(60.023.268.160)	11.643.927.890	(265.459.955)	9.004.431.140	(15.582.332.054)	(124.593.221.986)	(188.401.979.265)
Số dư tại ngày 31/12/2016	(70.577.022.678)	1.732.297.741	-	9.004.431.140	(8.586.056.140)	(413.784.944.933)	(471.285.000.292)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	389.974.431.476	(1.838.763.232)	-	3.111.000.930	(7.491.806.543)	(39.857.994.544)	343.896.868.087
Số dư tại ngày 31/12/2017	319.397.408.798	(106.465.491)	-	12.115.432.070	(8.586.056.140)	3.434.488.035	(127.388.132.205)
Trong đó:							
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại							513.884.713.229
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả							641.272.845.434

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV có các khoản lỗ tính thuế là 1.069.856.578.719 đồng (tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 873.248.865.551 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tương lai. Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế tương lai để sử dụng số lỗ tính thuế này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
- Dự án Biển Đông	360.577.100.000	525.047.170.282
- Dự án Sư Tử Nâu	305.716.586.414	305.716.586.414
- Dự án Sư Tử Trắng	274.903.401.336	46.462.217.152
- Dự án Maharaja Lela South	116.547.125.610	132.446.433.030
- Dự án H05 Topside	96.130.757.059	96.130.757.059
- Dự án Sư Tử Vàng 6X	84.525.593.656	84.525.593.656
- Dự án Ghana Yinson	55.087.141.058	55.087.141.058
- Dự án Daman	54.625.975.610	-
- Dự án Ghana Kanfa	19.702.996.906	19.702.996.906
- Dự án HUC Sư Tử Trắng	17.325.256.993	-
- Dự án khối thượng tầng giàn công nghệ trung tâm Heera (HRD)	4.087.113.410	54.028.471.982
- Các dự án khác	33.680.651.324	6.464.616.021
	1.468.056.576.601	1.355.709.901.710
Dự phòng chi phí sửa chữa thiết bị theo cam kết của hợp đồng vận hành và bảo dưỡng tàu FPSO Lam Sơn	45.146.877.225	30.097.918.150
	1.468.056.576.601	1.355.709.901.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:	31/12/2017	31/12/2016
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn cổ phần của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
		31/12/2017		31/12/2016
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	6,02	268.925.000.000	5,53	247.026.000.000
Nhóm quỹ Dragon Capital	2,41	107.655.000.000	3,98	177.787.000.000
Nhóm quỹ Templetion Frontier Markets Fund	0,5	22.336.000.000	4,61	205.929.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,69	1.773.088.210.000	34,5	1.541.262.210.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	4.467.004.210.000

Theo Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông đã phê duyệt việc phát hành 142.944.134 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần để tăng vốn điều lệ. Trong đó, số cổ phần sẽ phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu là 31.269.029 cổ phần và số cổ phần phát hành thu tiền mặt là 111.675.105 cổ phần. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty mẹ đang thực hiện các thủ tục xin phê duyệt từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông lớn cho việc triển khai các thủ tục tăng vốn theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2016	4.467.004.210.000	39.545.660.000	2.418.539.906.053	1.623.595.715.259	3.326.188.546.305	11.874.874.037.617	VND
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	3.620.520.000	-	3.620.520.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(128.998.937.135)	1.038.743.379.556	909.744.442.421	
Trích lập các quỹ	-	-	207.579.776.647	(12.142.920.870)	(416.017.679.948)	(220.580.824.171)	
Chia cổ tức	-	-	-	(55.896.450.000)	(759.390.715.700)	(815.287.165.700)	
Khác	-	71.400.000	-	577.262.237	(567.462.238)	81.199.999	
Số dư tại ngày 01/01/2017	4.467.004.210.000	39.617.060.000	2.626.119.682.700	1.430.755.189.491	3.188.956.067.975	11.752.452.210.166	VND
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(18.916.649.948)	800.457.943.709	781.541.293.761	
Trích lập các quỹ	-	-	102.493.938.481	(14.504.008.512)	(256.971.406.777)	(168.981.476.808)	
Chia cổ tức	-	-	-	(60.880.750.000)	(223.350.210.500)	(284.230.960.500)	
Khác	-	-	-	(423.313.988)	405.631.553	(17.682.435)	
Số dư tại ngày 31/12/2017	4.467.004.210.000	39.617.060.000	2.728.613.621.181	1.336.030.467.043	3.509.498.025.960	12.080.763.384.184	VND

Theo Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông các công ty con, các cổ đông đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức (trong đó: Theo Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền là 10%, tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 7%), trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận được phân phối từ năm trước. Trong năm, Tổng công ty đã hoàn thành việc thanh toán cổ tức cho cổ đông (ngoại trừ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu) và thực hiện trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017.

Tại ngày 25 tháng 01 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 53/NQ-DVK-ĐHQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2017. Theo đó, tỷ lệ tạm ứng cổ tức năm 2017 là 5% trên mệnh giá cổ phần. Theo thông báo số 165/TB-DVKT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Công ty mẹ, ngày thanh toán tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là từ ngày 28 tháng 3 năm 2018. Số liệu chính thức về tỷ lệ chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2017 sẽ được các cổ đông Công ty mẹ phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2017	31/12/2016
Đô la Mỹ (USD)	57.583.107	82.501.397
Euro (EUR)	3.978	1.020.958
Bảng Anh (GBP)	245.224	248.230

29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Đơn vị: VND									
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đỉnh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng cộng
Vốn điều lệ của Công ty con	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	3.750.284.961.420
Trong đó:										
Vốn phân bổ cho Tổng công ty	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	255.000.000.000	2.226.923.104.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	1.523.361.857.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	46,85%	49,00%	

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	Đơn vị: VND	
Lợi nhuận trong năm	26.202.156.627	19.331.880.685
Lợi nhuận của Tổng công ty	54.824.634.627	455.745.440
Lãi/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát	3.942.966.035	(18.916.649.948)

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Đơn vị: VND									
Tổng tài sản	1.415.176.662.474	592.814.023.370	760.576.458.831	519.467.016.280	764.649.741.188	620.090.089.908	1.622.852.081.586	122.735.728.194	806.081.489.967	7.224.443.291.798
Tổng nợ phải trả	658.106.303.564	323.607.430.038	728.008.656.813	105.771.094.007	268.148.388.685	180.676.659.880	1.237.865.281.661	76.201.981.041	245.948.968.210	3.824.334.763.900
Tài sản thuần	757.070.358.910	269.206.593.332	32.567.802.018	413.695.922.273	496.501.352.503	439.413.430.028	384.986.799.925	46.533.747.153	560.132.521.757	3.400.108.527.898
Chi tiết như sau:										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	3.750.284.961.420
Quý đầu tư phát triển	308.742.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	23.333.560.624	24.762.484.050	10.155.240.391	-	7.783.620.006	44.351.392.969	430.048.491.235
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	48.327.394.675	62.994.614.923	(272.139.448.533)	40.362.361.649	71.738.868.453	29.258.189.637	(786.511.841.495)	9.963.807.147	15.781.128.788	(780.224.924.757)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát										
Chi tiết như sau:										
Vốn đầu tư	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	1.523.361.857.420
Quý đầu tư phát triển	46.460.413.115	3.043.869.420	226.246.152	9.423.758.463	11.219.076.742	4.976.067.792	-	2.645.930.796	21.732.182.555	99.727.545.035
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	7.272.427.169	30.867.361.312	(13.079.929.028)	16.301.204.660	32.502.549.783	14.336.512.921	(385.153.944.251)	2.162.128.916	7.732.753.106	(287.058.935.412)
	113.925.840.284	131.911.230.732	1.565.317.124	167.079.963.123	224.948.626.525	215.312.580.713	188.527.593.169	18.294.379.712	274.464.935.661	1.336.030.467.043

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Dịch vụ cẩu cẩu cẩu	Cung cấp dịch vụ cẩu cẩu cẩu, cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình khai thác dầu khí trên biển	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ cẩu cẩu cẩu	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Nợ phải trả bộ phận	1.391.327.270.123	4.108.935.699.208	1.922.863.402.046	3.482.039.453.720	7.173.959.229.916	1.618.214.133.127	394.002.984.514	(1.546.143.051.751)	18.545.199.120.903
Lãi từ công ty liên kết									2.424.736.811.787
Tài sản không phân bổ									2.902.115.670.344
Tổng tài sản hợp nhất									23.872.051.603.034
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	823.679.298.549	1.455.131.917.274	1.475.182.983.918	1.218.846.554.413	5.775.667.631.321	899.018.873.219	243.678.639.730	(1.546.143.051.751)	10.345.062.846.673
Nợ phải trả không phân bổ									1.446.225.372.177
Tổng nợ phải trả hợp nhất									11.791.288.218.850

Đơn vị: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Loại trừ	Tổng
Tài sản						
Tài sản bộ phận	1.805.543.455.066	3.852.932.368.373	2.110.756.812.360	3.157.663.703.888	8.358.550.376.537	19.786.609.835.348
Lãi từ công ty liên kết						2.227.466.550.854
Tài sản không phân bổ						3.527.033.440.571
Tổng tài sản hợp nhất						25.541.109.826.773
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	1.007.451.943.092	1.539.242.668.965	1.483.518.234.913	1.418.967.305.106	6.838.877.716.705	12.267.083.636.783
Nợ phải trả không phân bổ						1.521.573.979.824
Tổng nợ phải trả hợp nhất						13.788.657.616.607

Đơn vị: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị: VND		Đơn vị: VND				Đơn vị: VND			
Doanh thu	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/ FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp công trình biển	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.048.219.643.413	2.956.770.315.283	1.055.591.565.173	1.338.893.167.168	8.272.202.234.881	744.681.698.801	395.791.376.217	-	16.812.150.000.936
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	355.372.028.433	347.463.182.021	444.753.619.267	261.502.436.442	551.478.967.952	287.347.153.081	155.510.716.066	(2.403.428.103.262)	-
Tổng doanh thu	2.403.591.671.846	3.304.233.497.304	1.500.345.184.440	1.600.395.603.610	8.823.681.202.833	1.032.028.851.882	551.302.092.283	(2.403.428.103.262)	16.812.150.000.936
Giá vốn									
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	1.863.586.357.045	2.823.583.328.367	1.161.412.034.235	1.014.228.987.569	8.113.757.229.332	679.343.673.421	347.683.728.634	-	16.003.595.338.603
Giá vốn từ bán hàng cho các bộ phận khác	355.372.028.433	347.463.182.021	444.041.145.228	261.502.436.442	534.820.145.160	284.326.371.303	100.630.053.923	(2.328.155.362.510)	-
Tổng giá vốn	2.218.958.385.478	3.171.046.510.388	1.605.453.179.463	1.275.731.424.011	8.648.577.374.492	963.670.044.724	448.313.782.557	(2.328.155.362.510)	16.003.595.338.603
Lợi nhuận gộp bộ phận	184.633.286.368	133.186.986.916	(105.820.469.062)	324.664.179.599	158.445.005.549	65.338.025.380	48.107.647.583		808.554.662.333
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý									802.793.733.790
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính									210.259.919.641
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									216.020.848.184
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác									327.844.594.100
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết									461.167.360.933
Lợi nhuận trước thuế									1.005.032.803.217
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									567.388.377.543
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại									(343.896.868.087)
Lợi nhuận trong năm									781.541.293.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị: VND		Đơn vị: VND				Đơn vị: VND			
Doanh thu	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/ FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp công trình biển	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.104.376.810.114	3.272.368.226.710	1.294.090.551.398	1.453.232.280.808	9.362.057.242.016	742.278.183.020	453.677.228.462	-	18.682.080.522.528
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	60.794.995.550	352.625.674.219	354.186.492.456	183.516.140.160	1.088.213.907.472	1.075.565.874.166	159.748.887.040	(3.274.651.971.063)	-
Tổng doanh thu	2.165.171.805.664	3.624.993.900.929	1.648.277.043.854	1.636.748.420.968	10.450.271.149.488	1.817.844.057.186	613.426.115.502	(3.274.651.971.063)	18.682.080.522.528
Giá vốn									
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	1.845.740.443.944	3.133.616.929.099	1.543.248.340.464	1.177.889.877.569	9.146.094.311.445	605.765.273.499	446.972.664.461	-	17.899.327.840.481
Giá vốn từ bán hàng cho các bộ phận khác	60.505.911.415	352.625.674.219	354.186.492.456	183.511.189.645	1.087.432.640.899	1.075.565.874.166	78.807.363.294	(3.192.635.146.094)	-
Tổng giá vốn	1.906.246.355.359	3.486.242.603.318	1.897.434.832.920	1.361.401.067.214	10.233.526.952.344	1.681.331.147.665	525.780.027.755	(3.192.635.146.094)	17.899.327.840.481
Lợi nhuận gộp bộ phận	258.636.366.170	138.751.297.611	(249.157.789.066)	275.342.403.239	215.962.930.571	136.512.909.521	6.704.564.001		782.752.682.047
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý									632.191.183.729
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính									146.726.865.967
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									297.288.364.285
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác									291.741.791.741
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết									667.105.854.738
Lợi nhuận trước thuế									1.256.136.010.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									157.989.589.078
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại									188.401.979.265
Lợi nhuận trong năm									909.744.442.421

Tổng công ty chi hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	1.667.151.101.181	1.624.986.787.184
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.102.131.640.387	14.890.662.513.164
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.042.867.259.368	2.166.431.222.180
	16.812.150.000.936	18.682.080.522.528

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.592.546.446.284	1.541.611.821.735
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.351.466.579.364	14.256.260.104.589
Giá vốn hợp đồng xây dựng	4.059.582.312.955	2.101.455.914.157
	16.003.595.338.603	17.899.327.840.481

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.721.480.111.742	2.444.636.657.326
Chi phí nhân công	2.338.752.299.859	2.633.609.040.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.411.166.715	870.764.893.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.756.773.120.140	11.783.501.132.741
Chi phí khác	2.238.920.239.129	581.774.435.998
	16.741.336.937.585	18.314.286.160.269

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	224.505.086.134	224.475.761.923
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800.000.000	4.829.760.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.084.298.192	76.171.535.177
Doanh thu hoạt động tài chính khác	357.074.004	844.756.962
	294.746.458.330	306.321.814.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	37.945.717.026	55.841.878.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá	42.136.497.880	91.244.218.513
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	1.085.132.588	5.856.366.733
Chi phí tài chính khác	3.319.191.195	6.652.484.462
	84.486.538.689	159.594.948.095

36. PHẦN LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	(38.955.361.764)	(115.317.926.850)
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	7.320.542.503	(4.150.928.603)
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	172.192.572.637	176.509.631.110
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	2.135.959.165	3.209.281.838
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	177.467.502.799	300.134.789.896
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	141.006.145.593	306.721.007.347
	461.167.360.933	667.105.854.738

37. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Các khoản chi phí bán hàng		
Lương nhân viên bán hàng	13.545.870.600	10.932.830.812
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	50.585.410.172	59.492.551.315
Các khoản chi phí khác	21.079.795.134	21.534.571.055
	85.211.075.906	91.959.953.182

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

Lương nhân viên quản lý	216.885.351.914	204.100.533.152
Dịch vụ mua ngoài	172.667.885.450	196.442.368.919
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn	26.194.859.753	32.948.381.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.113.467.023	37.291.526.969
Các khoản dự phòng	89.813.314.660	(56.471.138.800)
Các khoản chi phí khác	176.907.779.084	125.919.558.511
	717.582.657.884	540.231.230.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

38. LỢI NHUẬN KHÁC

MẪU B 09-DN/HN

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Thu phí bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của hợp đồng thuê tàu FPSO Lam Sơn (*)	4.916.354.420.936	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các dự án	244.904.162.023	256.250.505.426
Thu nhập từ bồi thường thiệt hại sự cố hỏng máy phát điện tàu CGG Amadues và thay thế cáp tàu Bình Minh 02	71.994.307.058	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	7.918.545.092	1.683.167.117
Thu từ phạt, bồi thường và tiền thưởng	11.995.796.741	37.601.960.689
Các khoản thu nhập khác	7.873.274.801	8.616.216.493
Thu nhập khác	5.261.040.506.651	304.151.849.725
Trả phí bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của hợp đồng thuê tàu FPSO Lam Sơn (*)	4.844.168.965.741	-
Chi phí sửa chữa thiệt hại sự cố hỏng máy phát điện tàu CGG Amadues và thay thế cáp tàu Bình Minh 02	62.787.583.050	-
Thuế nộp thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	1.587.982.437	2.822.266.185
Tiền phạt, bồi thường	6.661.062.683	1.441.926.682
Các khoản chi phí khác	17.990.318.640	8.145.865.117
Chi phí khác	4.933.195.912.551	12.410.057.984
Lợi nhuận khác	327.844.594.100	291.741.791.741

(*) Như đã nêu tại Thuyết minh 1 về việc Lam sơn JOC chấm dứt hợp đồng thuê tàu FPSO Lam Sơn, trong tháng 12 năm 2017, Tổng công ty đã nhận được tiền thanh toán phí chấm dứt hợp đồng từ Lam Sơn JOC là 213,6 triệu Đô la Mỹ và 72 tỷ đồng, đồng thời, Tổng công ty cũng đã thực hiện thanh toán cho Công ty Liên doanh PTSC AP - chủ tàu FPSO Lam Sơn, khoản tiền phí chấm dứt hợp đồng này theo quy định của Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

39. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

MẪU B 09-DN/HN

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.005.032.803.217	1.256.136.010.764
Các khoản điều chỉnh tăng	2.605.521.797.421	453.948.876.143
Các khoản điều chỉnh giảm	(626.630.291.849)	(916.429.441.856)
Thu nhập chịu thuế	2.983.924.308.789	793.655.445.051
Chuyển lỗ các năm trước	(105.486.125.403)	(66.954.338.322)
Thu nhập tính thuế	2.878.438.183.386	726.701.106.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp	575.297.479.373	145.340.221.346
Miễn giảm thuế (i)	(8.573.594.159)	(4.965.726.656)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	1.863.269.031	17.933.091.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh giảm kỳ trước	(1.198.776.702)	(317.997.396)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	567.388.377.543	157.989.589.078

Công ty mẹ và các Công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	800.457.943.709	1.038.743.379.556
Trừ: Trích tạm quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch	82.118.276.102	90.775.446.381
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	718.339.667.607	947.967.933.175
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	446.700.421	446.700.421
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.608	2.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

41. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2017	2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	971.944.208.521	1.028.808.421.285

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	550.818.261.874	572.211.593.275
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	837.287.590.281	815.987.318.971
Sau năm năm	1.140.534.104.282	1.117.678.939.193
	2.528.639.956.437	2.505.877.851.439

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang.

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2016. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và số 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	1.155.416.369.913	1.575.655.776.806
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.761.373.378.462	5.883.669.671.740
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	12.080.763.384.184	11.752.452.210.166
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.761.373.378.462	5.883.669.671.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.479.783.778.922	5.346.763.280.846
Đầu tư tài chính	1.550.108.033.999	937.453.737.778
	11.791.265.191.383	12.167.886.690.364
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.155.416.369.913	1.575.655.776.806
Phải trả người bán và phải trả khác	3.742.599.369.330	4.606.699.068.194
Chi phí phải trả	1.958.931.723.281	2.063.212.809.649
Dự phòng phải trả	1.496.140.107.799	1.418.530.029.735
	8.353.087.570.323	9.664.097.684.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Tổng công ty chưa có cơ sở để xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	4.455.846.218.982	5.589.794.767.537	2.454.284.413.864	3.458.489.081.707
Bảng Anh (GBP)	7.488.191.906	6.916.415.798	-	35.371.625
Euro (EUR)	106.860.081	24.234.864.366	8.801.372.400	938.980.803
Đô la Singapore (SGD)	-	-	2.905.678.473	2.419.883.743

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2017	2016
	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	40.031.236.102	42.626.113.717

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 10.446.984.137 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 18.319.472.310 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí có lịch sử tín dụng tốt, đảm bảo đáp ứng được nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn và các khách hàng khác phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.761.373.378.462	-	-	5.761.373.378.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.454.119.490.447	25.664.288.475	-	4.479.783.778.922
Đầu tư tài chính	1.524.756.875.000	25.351.158.999	-	1.550.108.033.999
	11.740.249.743.909	51.015.447.474	-	11.791.265.191.383
31/12/2017				
Các khoản vay	254.715.582.472	863.024.606.074	37.676.181.367	1.155.416.369.913
Phải trả người bán và phải trả khác	3.742.395.483.445	203.885.885	-	3.742.599.369.330
Chi phí phải trả	1.958.931.723.281	-	-	1.958.931.723.281
Dự phòng phải trả	28.083.531.198	1.468.056.576.601	-	1.496.140.107.799
	5.984.126.320.396	2.331.285.068.560	37.676.181.367	8.353.087.570.323
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.756.123.423.513	(2.280.269.621.086)	(37.676.181.367)	3.438.177.621.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.883.669.671.740	-	-	5.883.669.671.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.324.612.975.175	22.150.305.671	-	5.346.763.280.846
Đầu tư tài chính	911.017.446.191	26.436.291.587	-	937.453.737.778
	12.119.300.093.106	48.586.597.258	-	12.167.886.690.364
31/12/2016				
Các khoản vay	432.147.165.556	1.064.189.947.329	79.318.663.921	1.575.655.776.806
Phải trả người bán và phải trả khác	4.606.495.000.809	204.067.385	-	4.606.699.068.194
Chi phí phải trả	2.063.212.809.649	-	-	2.063.212.809.649
Dự phòng phải trả	92.918.046.175	1.325.611.983.560	-	1.418.530.029.735
	7.194.773.022.189	2.390.005.998.274	79.318.663.921	9.664.097.684.384
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.924.527.070.917	(2.341.419.401.016)	(79.318.663.921)	2.503.789.005.980

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản của Tổng công ty ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ đảm bảo được nguồn tiền để thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2017	2016
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Khí Việt Nam	585.464.664.579	1.593.984.861.175
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.156.188.452.078	629.681.297.991
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	333.612.005.476	497.629.715.205
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	325.879.077.724	314.966.474.648
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	923.415.642.779	443.693.451.925
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	462.732.407.474	77.078.223.539
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	63.224.970.792	77.997.990.791
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	12.885.782.956	14.499.944.498
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.958.418.998	10.069.076.036
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	10.959.328.304	18.452.382.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng công ty được hưởng trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	10.590.640.000	14.523.115.000

Một số số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	132.409.225.586	121.244.498.956
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	291.898.260.249	40.973.824.781
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	189.420.865.257	477.128.220.848
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	84.890.425.869	172.978.117.164
Tổng công ty Khí Việt Nam	79.049.994.782	291.425.001.609
Ban Quản lý Dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	58.330.002.000	73.350.037.636
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	50.998.736.717	36.675.914.093
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	41.392.972.471	1.159.136.846
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	19.616.888.929	30.377.251.450

Các khoản phải thu khác		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	333.861.713.153	206.879.316.776
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	133.845.792.765	59.514.542.073
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	365.897.059.719	329.077.036
Ban Quản lý Dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	21.529.260.315

Phải trả người bán		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	66.438.778.221	132.535.870.219
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	48.479.985.748	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	93.800.866.366
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	12.613.354.796	39.992.050.431
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	14.002.376.774
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	11.936.183.777	6.787.941.876
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	14.043.023.018	25.151.762.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

(tiếp theo)

Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.024.347.199.005	791.695.089.681
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33.866.730.230	216.400.185.333
Tổng công ty Khí Việt Nam	18.516.130.769	135.440.143.319
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	71.482.611.573	-
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	-	50.466.725.642
Phải trả khác		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.559.908.872	19.939.346.487
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.907.965.831	7.826.660.837
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.412.083.964	-
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	108.334.061.023	182.852.571.127

44. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 13 tháng 02 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 106/NQ-DVKT-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty Liên doanh PTSC Ca Rong Do Ltd. Công ty Liên doanh PTSC Ca Rong Do Ltd. ("PTSC Ca Rong Do") là liên doanh đồng kiểm soát giữa Tổng công ty cùng đối tác Công ty Yinson Clover để quản lý, thực hiện các công tác đầu tư, sở hữu tàu FPSO Cá Rồng Đỏ và cho Tổng công ty thuê FPSO dưới hình thức hợp đồng thuê tàu trần. Dự án có tổng vốn đầu tư là 111.620.040 Đô la Mỹ, trong đó, Tổng công ty góp là 56.926.220 Đô la Mỹ, chiếm 51% vốn góp.

45. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 15.306.325.596 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15.145.283.073 đồng). Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản phải thu đã thu hồi liên quan đến tiền lãi không bao gồm số tiền lãi dự thu là 32.839.087.830 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 25.931.332.538 đồng). Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong niên độ kế toán và vì vậy, không được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất trên đây.

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu

Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam